



**BẢN TIN ĐIỆN TỬ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**  
**RESEARCH BULLETIN**

**SỐ 08 - THÁNG 08/2020 - VOLUME: – AUGUST 2020**

**LƯU HÀNH NỘI BỘ**

® Bản tin này được tổng hợp từ các báo cáo, đề tài nghiên cứu định kỳ hàng tháng liên quan đến lĩnh vực kinh tế tài chính – ngân hàng của các tổ chức quốc tế WB, ADB, IMF, BIS và thông tin kết quả nghiên cứu của các đề tài cấp nhà nước, cấp ngành của NHNN, các Bộ, ngành TW của Việt Nam, các thông tin Hội thảo của các Viện nghiên cứu, trường đại học, ấn phẩm khoa học của các NXB có uy tín tại Việt Nam phù hợp với quy định pháp luật về báo chí và bản quyền.

® Mọi quan điểm, nội dung trong Bản tin đều được dịch hoặc căn cứ vào thông tin khoa học chính thống, chỉ có hàm ý cung cấp thông tin tham khảo mà không phản ánh ý kiến hay quan điểm của Ban Biên tập cũng như của Viện CLNH. Người đọc chỉ nên sử dụng Bản tin nội bộ như là thông tin tham khảo.

**CHỊU TRÁCH NHIỆM**  
**XUẤT BẢN**

**VIỆN CHIẾN LƯỢC**  
**NGÂN HÀNG**

Bản tin phát hành định kỳ hàng tháng, được gửi trực tiếp qua email và đăng tải trên Cổng thông tin khoa học và công nghệ ngành Ngân hàng:  
[khoa hocnganhang.org.vn](http://khoa hocnganhang.org.vn)

Liên hệ

Email:  
[research.bsi@sbv.gov.vn](mailto:research.bsi@sbv.gov.vn)

**NGÂN HÀNG NHÀ**  
**NƯỚC VIỆT NAM**

Địa chỉ:

Tầng 9, tòa nhà 504 Xã Đàn,  
quận Đống Đa,  
Tp. Hà Nội.



**THÔNG TIN KHOA HỌC QUỐC TẾ**

**NGHIÊN CỨU QUỐC TẾ**

<p><b>COVID-19 và Các lỗ hổng trong bảng cân đối doanh nghiệp tại thị trường mới nổi và các nền kinh tế đang phát triển: Một phương pháp tiếp cận kiểm tra căng thẳng đơn giản</b></p>	<p><b>COVID-19: tác động tích cực và tiêu cực đối với thanh toán kỹ thuật số và tài chính toàn diện</b></p>	<p><b>COVID-19 phơi bày những điểm yếu của các ngân hàng châu Á đối với nguồn tài trợ bằng đô la Mỹ</b></p>	<p><b>Tác động thực sự của tiền di động: bằng chứng từ việc mở rộng Fin-tech với quy mô lớn</b></p>
<p>Bài viết thực hiện một bài kiểm tra căng thẳng đơn giản để đánh giá khả năng các công ty phi tài chính niêm yết có thể chịu được các cú sốc đối với thu nhập và các khoản phải thu. <a href="#">Chi tiết</a></p>	<p>Chính phủ khắp nơi trên thế giới đã có nhiều hành động nhằm khuyến khích việc sử dụng thanh toán kỹ thuật số trong bối cảnh COVID-19. <a href="#">Chi tiết</a></p>	<p>Báo cáo này đánh giá tác động các nguồn tài trợ bằng đô la Mỹ đối với các ngân hàng châu Á và khuyến nghị cho các nhà hoạch định chính sách trong khu vực nhằm hỗ trợ ổn định tài chính. <a href="#">Chi tiết</a></p>	<p>Dịch vụ tiền di động đã nhanh chóng mở rộng tại các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển, cho phép các phương thức mới mà qua đó các hộ gia đình và doanh nghiệp có thể thực hiện các thanh toán, gửi tiết kiệm và chuyển kiều hối. Nhóm nghiên cứu khám phá cách thức sử dụng tiền di động có thể tác động đến các kết quả kinh tế ở Ấn Độ bằng cách sử dụng dữ liệu chi tiết về các giao dịch từ Paytm, một trong những nhà cung cấp dịch vụ tiền di động lớn nhất ở Ấn Độ với hơn 400 triệu người dùng. <a href="#">Chi tiết</a></p>
<p><b>Sự lan tỏa quốc tế của các cú sốc về định hướng tương lai</b></p>	<p><b>Covid-19 và các thị trường mới nổi: mô hình dịch tế học với mạng lưới sản xuất quốc tế và các dòng vốn</b></p>		
<p>Tác giả ước lượng mô hình hai quốc gia gồm Hoa Kỳ và Canada với mẫu sau năm 2009 để nghiên cứu sự lan tỏa</p>	<p>Nhóm nghiên cứu đã định lượng hiệu quả tác động kinh tế vĩ mô của Covid-19 lên một nền kinh tế nhỏ và mở bằng</p>		

xuyên quốc gia của các cú sốc hướng về tương lai. <u>Chi tiết</u>	cách hiệu chỉnh mô hình SIR vĩ mô đa ngành. <u>Chi tiết</u>		
---	---	--	--

## NGHIÊN CỨU QUỐC TẾ CHUYÊN SÂU

### MỞ RỘNG TIỀN HẸP: CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ VỚI TIỀN KỸ THUẬT SỐ NHTW

Tính khả thi và tính ưa thích của việc NHTW phát hành phiên bản định danh đồng tiền kỹ thuật số của riêng mình đã trở thành tâm điểm của cuộc tranh luận ngày càng lớn trong những năm gần đây. Nhiều NHTW trên thế giới đang nghiên cứu chủ đề này, gồm Ngân hàng Canada (2017), NHTW châu Âu (Mersch, 2017), Ngân hàng nhân dân Trung Hoa (Qian, 2017), Ngân hàng Trung ương Thụy Điển (2017) và Ngân hàng Anh (2017b). Cộng đồng làm chính sách đã kết hợp với giới nghiên cứu trong các dự án như Sáng kiến tiền kỹ thuật số của MIT, và thông qua các hợp tác với khu vực tư nhân (Cơ quan tiền tệ Singapore, 2017). Mặc dù vậy, những nghiên cứu về chủ đề này vẫn còn trong giai đoạn khá non trẻ với những đồng thuận xung quanh một số vấn đề nền tảng mới đang bắt đầu hình thành một cách chậm chạp. Hơn nữa, khái niệm tiền kỹ thuật số NHTW có thể tạo cảm giác khó tiếp cận và xa lạ đối với các nhà kinh tế học vốn không quen với chuỗi khối, công nghệ sổ cái phân tán và các thuật ngữ tương tự. [Chi tiết](#)

HỘI THẢO KHOA HỌC	ẤN PHẨM KHOA HỌC
HỘI THẢO KHOA HỌC GIỚI THIỆU, KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI “XÂY DỰNG KHUÔN KHỔ PHÁP LÝ CHO VIỆC TRIỂN KHAI CHUẨN MỰC AN TOÀN VỐN THEO BASEL 2 TRONG HỆ THỐNG NGÂN HÀNG TẠI VIỆT NAM”. <a href="#">(Chi tiết)</a>	BIẾN ĐỘNG - CÁC QUỐC GIA ỨNG PHÓ VỚI KHỦNG HOẢNG VÀ THAY ĐỔI NHƯ THẾ NÀO. <a href="#">(Chi tiết)</a>
TIẾP TỤC KIỂM SOÁT LẠM PHÁT, ỔN ĐỊNH VĨ MÔ, TẠO THÊM DƯ ĐỊA CHO ĐIỀU HÀNH CHÍNH SÁCH KINH TẾ. <a href="#">(Chi tiết)</a>	BIG DATA - CÔNG NGHỆ CỐT LÕI TRONG KỶ NGUYÊN SỐ. <a href="#">(Chi tiết)</a>

**BẢN TIN NGHIÊN CỨU QUỐC TẾ****1. COVID-19 và Các lỗ hổng trong bảng cân đối doanh nghiệp tại thị trường mới nổi và các nền kinh tế đang phát triển: Một phương pháp tiếp cận kiểm tra căng thẳng đơn giản (COVID-19 and EMDE Corporate Balance Sheet Vulnerabilities : A Simple Stress-Test Approach).**

*Nguồn: WB*

*Tác giả: Feyen, Erik H.B.; Dancausa, Fernando; O'Reilly Gurhy, Bryan*

*Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu chính sách tài chính ngân hàng*

*Ngày xuất bản: 20/7/2020*

Bài viết thực hiện một bài kiểm tra căng thẳng đơn giản để đánh giá khả năng các công ty phi tài chính niêm yết có thể chịu được các cú sốc đối với thu nhập và các khoản phải thu. Nó nhấn đến hai tỷ lệ kế toán cơ bản để đánh giá khả năng trang trải các khoản nợ ngắn hạn và chi phí lãi vay của một công ty. Mẫu đầy đủ bao gồm gần 17.000 công ty tại 73 thị trường mới nổi và các nền kinh tế đang phát triển, chiếm 22,1 nghìn tỷ USD tổng tài sản và 6,05 nghìn tỷ USD tổng nợ. Các phát hiện cho thấy rằng, trước đại dịch, gần 60% số nợ liên quan đến các công ty đã có các lỗ hổng theo ít nhất một tỷ lệ. Một cú sốc 30% đối với thu nhập và các khoản phải thu làm tăng con số này lên 88%, trong đó 29 điểm phần trăm dễ bị tổn thương về cả hai chỉ số, tăng 230 phần trăm so với trước đại dịch. Các công ty ở Đông Á và Thái Bình Dương, Trung Đông và Bắc Phi và Nam Á dường như là những công ty đối mặt với rủi ro nhiều nhất. Một số quốc gia có các khu vực doanh nghiệp dễ bị tổn thương cũng thể hiện những điểm yếu trong khuôn khổ về khả năng thanh toán, điều này có thể cản trở việc tái cơ cấu và xóa sổ, đồng thời góp phần vào việc gia tăng các khoản thanh lý kém hiệu quả về mặt xã hội đối với các công ty thiếu tiền mặt nhưng vẫn còn khả năng hoạt động.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

**2. COVID-19: tác động tích cực và tiêu cực đối với thanh toán kỹ thuật số và tài chính toàn diện (Covid-19: Boon and bane for digital payments and financial inclusion).**

*Nguồn: BIS*

*Tác giả: Nana Yaa Boakye-Adjei*

*Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu chính sách tài chính ngân hàng*

*Ngày xuất bản: 24/7/2020*

Chính phủ khắp nơi trên thế giới đã có nhiều hành động nhằm khuyến khích việc sử dụng thanh toán kỹ thuật số trong bối cảnh COVID-19. Một trong số các biện pháp là tạo điều kiện thuận lợi cho việc sử dụng thanh toán kỹ thuật số trong suốt giai đoạn cách ly. Một số chính phủ khác thì cung cấp các hỗ trợ dài hạn rộng rãi hơn cho các đơn vị fintech và các sáng kiến đổi mới tài chính. Đối với các nền kinh tế thị trường mới nổi và đang phát triển, các biện pháp đáp ứng lại cơ hội bất ngờ để thúc đẩy hơn nữa mục tiêu tài chính toàn diện thông qua việc sử dụng công nghệ. Nhằm gia tăng hiệu quả của

chúng, những động thái này nên bao gồm các biện pháp nhằm chống tội phạm tài chính và bảo vệ người tiêu dùng.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

### **3. COVID-19 phơi bày những điểm yếu của các ngân hàng châu Á đối với nguồn tài trợ bằng đô la Mỹ (COVID-19 Exposes Asian Banks' Vulnerability to US Dollar Funding).**

*Nguồn: ADB*

*Tác giả: Park, Cyn-Young; Rosenkranz, Peter và Tayag, Mara Claire*

*Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu chính sách tài chính ngân hàng*

*Ngày xuất bản: 1/7/2020*

Đại dịch COVID-19 đã tạo áp lực lên thị trường tài chính và tiền tệ của các nước châu Á mới nổi, làm nổi lên điểm dễ bị tổn thương của các nước này với các rủi ro từ nguồn tài trợ bằng đồng đô la Mỹ. Báo cáo này khai thác vai trò của đồng đô la Mỹ như là loại tiền tệ chi phối thương mại và giao dịch tài chính quốc tế và sự gia tăng các hoạt động tài trợ bằng đồng đô la Mỹ của các ngân hàng châu Á kể từ khi khủng hoảng tài chính toàn cầu. Báo cáo này xem xét tác động của việc tiếp cận các nguồn tài trợ bằng đô la Mỹ đối với các ngân hàng châu Á và những lưu ý nổi bật cho các nhà hoạch định chính sách.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

### **4. Tác động thực sự của tiền di động: bằng chứng từ việc mở rộng Fin-tech với quy mô lớn (The Real Effects of Mobile Money: Evidence from a Large-Scale Fintech Expansion).**

*Nguồn: IMF*

*Tác giả: Manasa Patnam ; Weijia Yao*

*Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu chính sách tài chính ngân hàng*

*Ngày xuất bản: 24/7/2020*

Dịch vụ tiền di động đã nhanh chóng mở rộng tại các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển, cho phép các phương thức mới mà qua đó các hộ gia đình và doanh nghiệp có thể thực hiện các thanh toán, gửi tiết kiệm và chuyển kiều hối. Nhóm nghiên cứu khám phá cách thức sử dụng tiền di động có thể tác động đến các kết quả kinh tế ở Ấn Độ bằng cách sử dụng dữ liệu chi tiết về các giao dịch từ Paytm, một trong những nhà cung cấp dịch vụ tiền di động lớn nhất ở Ấn Độ với hơn 400 triệu người dùng. Nhóm nghiên cứu khai thác giai đoạn xung quanh chính sách giảm bớt sử dụng tiền mặt – chính sách đã thúc đẩy việc sử dụng tiền di động và phân tích cách thức tiền di động tác động lên các thỏa thuận chia sẻ rủi ro truyền thống. Các phát hiện chính của nhóm nghiên cứu là việc sử dụng tiền di động đã làm tăng sức chống chịu trước các cú sốc bằng cách làm giảm tác động của các cú sốc đối với các hoạt động kinh tế ban đêm và tiêu dùng của hộ gia đình. Nhóm nghiên cứu bổ sung thêm cho những phát hiện này

bằng cách thực hiện một cuộc khảo sát công ty xung quanh việc can thiệp về mục tiêu theo từng giai đoạn giúp khuyến khích các công ty áp dụng công nghệ thanh toán di động. Các kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng các công ty áp dụng thanh toán di động đã cải thiện doanh số bán hàng của họ sau 06 tháng sử dụng. Nhóm nghiên cứu cũng gợi mở những kỳ vọng chủ quan của các công ty về doanh số bán hàng tương lai và nhận thấy việc áp dụng thanh toán di động có liên quan đến việc giảm thiểu sự không chắc chắn và lạc quan hơn về khả năng bán hàng.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

## **5. Sự lan tỏa quốc tế của các cú sốc về định hướng tương lai (International spillovers of forward guidance shocks).**

*Nguồn: BIS*

*Tác giả: Callum Jones, Mariano Kulish and Daniel Rees*

*Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu kinh tế*

*Ngày xuất bản: 3/7/2020*

Tác giả ước lượng mô hình hai quốc gia gồm Hoa Kỳ và Canada với mẫu sau năm 2009 để nghiên cứu sự lan tỏa xuyên quốc gia của các cú sốc hướng về tương lai. Để làm như vậy, tác giả đề xuất một phương pháp xác định các cú sốc hướng tương lai trong chế độ lãi suất cố định. Các cú sốc định hướng tương lai của Hoa Kỳ có tác động lớn hơn các cú sốc chính sách tiền tệ thông thường. Cú sốc hướng tương lai mở rộng 2 quý làm giảm sản lượng của Canada khoảng 0,2% đến 0,4%. Ảnh hưởng của cú sốc hướng tương lai của Hoa Kỳ đối với sản lượng của Canada, không giống như cú sốc chính sách thông thường, phụ thuộc cốt yếu vào trạng thái của cú sốc bù rủi ro của Hoa Kỳ. Các cú sốc về hướng tương lai được ước lượng trùng với các thông báo quan trọng về chính sách tiền tệ của Hoa Kỳ, chẳng hạn như việc đưa ra các định hướng theo lịch.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

## **6. Covid-19 và các thị trường mới nổi: mô hình dịch tế học với mạng lưới sản xuất quốc tế và các dòng vốn (COVID-19 and Emerging Markets: An Epidemiological Model with International Production Networks and Capital Flows).**

*Nguồn: IMF*

*Tác giả: Cem Cakmakli; Selva Demiralp; Sebnem Kalemli-Ozcan; Sevcin Yesiltas; Muhammed A. Yildirim*

*Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu kinh tế*

*Ngày xuất bản: 17/7/2020*

Nhóm nghiên cứu đã định lượng hiệu quả tác động kinh tế vĩ mô của Covid-19 lên một nền kinh tế nhỏ và mở bằng cách hiệu chỉnh mô hình SIR vĩ mô đa ngành. Nhóm nghiên cứu đo lường các cú sốc cung ở cấp ngành đối với các công việc làm việc từ xa (teleworking job) và công việc phổ thông, và các cú sốc cầu đối với việc mua bán qua thẻ tín dụng. Cả hai cú sốc đều bị ảnh hưởng từ việc thay đổi tỷ lệ lây nhiễm trong các



tình huống phong tỏa khác nhau (lockdown scenarios). Một nền kinh tế mở khuếch đại các chi phí kinh tế thông qua hai kênh chính. Đầu tiên, cú sốc cầu có các cầu phần trong nước và ngoài nước. Thứ hai, cú sốc đầu tiên được phóng to do các mối liên kết đầu vào – đầu ra trong nước và quốc tế.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

## NGHIÊN CỨU CHUYÊN SÂU

### Mở rộng tiền hẹp: chính sách tiền tệ với tiền kỹ thuật số NHTW

*Jack Meaning, Ben Dyson, James Barker và Emily Clayton*

*Ngân hàng trung ương Anh*

#### 1. Giới thiệu

Tính khả thi và tính ưa thích của việc NHTW phát hành phiên bản định danh đồng tiền kỹ thuật số của riêng mình đã trở thành tâm điểm của cuộc tranh luận ngày càng lớn trong những năm gần đây<sup>1</sup>. Nhiều NHTW trên thế giới đang nghiên cứu chủ đề này, gồm Ngân hàng Canada (2017), NHTW châu Âu (Mersch, 2017), Ngân hàng nhân dân Trung Hoa (Qian, 2017), Ngân hàng Trung ương Thụy Điển (2017) và Ngân hàng Anh (2017b). Cộng đồng làm chính sách đã kết hợp với giới nghiên cứu trong các dự án như Sáng kiến tiền kỹ thuật số của MIT, và thông qua các hợp tác với khu vực tư nhân (Cơ quan tiền tệ Singapore, 2017). Mặc dù vậy, những nghiên cứu về chủ đề này vẫn còn trong giai đoạn khá non trẻ với những đồng thuận xung quanh một số vấn đề nền tảng mới đang bắt đầu hình thành một cách chậm chạp. Hơn nữa, khái niệm tiền kỹ thuật số NHTW có thể tạo cảm giác khó tiếp cận và xa lạ đối với các nhà kinh tế học vốn không quen với chuỗi khối, công nghệ sổ cái phân tán và các thuật ngữ tương tự.

Do đó, đóng góp đầu tiên của bài viết này là đưa ra một định nghĩa chung về tiền kỹ thuật số NHTW (CBDC) mà có thể tạo nên sự đồng thuận và quan trọng là tạo sự quen thuộc cho bất kỳ ai có hiểu biết cơ bản về quy trình tiền tệ. *Tiền kỹ thuật số NHTW là bất kỳ nghĩa vụ nợ điện tử, định danh nào của NHTW có thể sử dụng để quyết toán thanh toán, hoặc để cất trữ giá trị.* Như vậy, CBDC có thể được xem là tiền hẹp điện tử ((electronic narrow money) và theo một nghĩa nào đó đã tồn tại dưới hình thức dự trữ NHTW (reserves). Trong phạm vi định nghĩa chung của chúng tôi, có một loạt các tập hợp con và các đặc điểm khác nhau cho các thiết kế CBDC nhất định. Điều này sẽ được thảo luận tiếp ở Phần 2.

---

<sup>1</sup> Bordo và Levin (2017a) định nghĩa tiền kỹ thuật số là “một tài sản được lưu trữ dưới hình thức điện tử có thể thực hiện các chức năng tương tự như tiền vật chất, chẳng hạn như thực hiện các giao dịch thanh toán”.

Những nghiên cứu non trẻ về CBDC bao gồm một loạt các chủ đề, từ khoa học máy tính đến kinh tế học tiền tệ.<sup>2</sup> Ví dụ, thảo luận về khuôn khổ kỹ thuật phù hợp để làm nền tảng cho CBDC có thể tìm thấy trong nghiên cứu của Danezis và Meiklejohn (2016). Mặc dù họ ủng hộ việc sử dụng công nghệ sổ cái phân tán, tương tự như công nghệ đằng sau Bitcoin và các đồng tiền kỹ thuật số khác, nhưng Scorer (2017) tranh luận rằng công nghệ này là không nhất thiết. Benos, Garratt và Gurrola-Perez (2017) đánh giá công nghệ sổ cái phân tán đối với quyết toán chứng khoán và khuyến nghị rằng nó có tiềm năng cải thiện hiệu quả và giảm chi phí giao dịch trên các thị trường này, nhưng cũng nhấn mạnh tính non trẻ hiện tại của công nghệ.

Ketterer và Andrade (2016), Gouveia và cộng sự (2017), FirstRand Bank (2016) và các nghiên cứu khác tập trung vào các tác động của CBDC đối với hệ thống tài chính, các ngân hàng đương thời và mô hình kinh doanh của chúng. Một nhánh nghiên cứu đáng kể quan tâm tới CBDC với hệ thống thanh toán, và tài chính toàn diện (Dyson và Hodgson, 2016).

Trong phạm vi thiên về chính sách tiền tệ và kinh tế vĩ mô truyền thống, Barrdear và Kumhof (2016) đã đưa ra một trong những đánh giá đầu tiên về tác động tiềm năng mà CBDC có thể gây ra đối với nền kinh tế thực. Trong khuôn khổ mô hình DSGE quy mô lớn, các tác giả khuyến nghị rằng việc đưa 1 CBDC ra thông qua mua lại trái phiếu chính phủ có thể làm gia tăng GDP thực thêm 3%. Bordo và Levin (2017b) đưa ra một phân tích toàn diện về thiết kế CBDC và cách thức mà nó ảnh hưởng tới khuôn khổ tiền tệ ở mức độ sâu. Các tác giả kết luận rằng CBDC có thể đóng vai trò như hình thức hiệu quả cao nhất của tiền và thúc đẩy ổn định giá cả thực sự, do giá trị thực của CBDC có thể dễ dàng được giữ ổn định theo thời gian.

Đôi lập với các nghiên cứu hiện có, bài viết này tiếp cận chủ đề CBDC từ khía cạnh tác động của nó lên cơ chế truyền dẫn chính sách tiền tệ (MTM). Cụ thể hơn, chúng tôi xem xét cách thức mà CBDC có thể tác động lên việc thực thi các quyết

---

<sup>2</sup> Đây là một lý do khác vì sao có được sự đồng thuận về định nghĩa chung là rất hữu ích do nó tạo ra một ngôn ngữ chung cho một loạt các lĩnh vực đa dạng liên quan đến nghiên cứu về CBDC.

định và kênh chính sách tiền tệ, tốc độ và sức mạnh mà các quyết định này được truyền tới nền kinh tế thực. Phần lớn chúng tôi tập trung vào một hình thức cụ thể của tiền kỹ thuật số NHTW: cho phép tiếp cận rộng rãi, dựa trên tài khoản và chịu lãi. Về mặt khái niệm, hình thức CBDC này có thể được coi là việc mở rộng diện tiếp cận và hệ thống tài khoản dự trữ NHTW mà hiện nay chỉ cho phép một tập hợp giới hạn các đối tượng kinh tế (economic agents) tiếp cận<sup>3</sup>. Trong phần 6, chúng tôi xem xét một kịch bản ở đó các loại hình chủ tài khoản CBDC khác nhau được trả các mức lãi suất khác nhau và chỉ ra kịch bản này giống với việc tiền dự trữ tồn tại cùng với một hình thức CBDC thứ hai như thế nào. Trong phần 7, chúng tôi xem xét hình thức tiền mặt điện tử của CBDC.

Việc đưa ra các kết luận dứt khoát hoặc mạnh về định lượng đối với tác động của CBDC lên kênh truyền dẫn chính sách tiền tệ là khó, do mức độ biến động lớn xung quanh thiết kế cuối cùng của CBDC, môi trường kinh tế mà nó sẽ được đưa vào sử dụng, và những thay đổi cấu trúc có thể đi theo nó. Hơn nữa, bài viết này nhằm mục đích cung cấp một khuôn khổ để tư duy về các vấn đề này và bắt đầu đưa vào khuôn khổ này các kết luận rộng dựa trên các lý thuyết hiện có và các giả định rõ ràng, hợp lý. Các kết luận này sẽ cần được xem xét lại nếu CBDC được chủ động đưa ra áp dụng. Hơn nữa, tác động lên kênh truyền dẫn chính sách tiền tệ sẽ cần phải được cân bằng với các cân nhắc về các khía cạnh khác của CBDC, chẳng hạn như ảnh hưởng của nó lên các hệ thống thanh toán và ổn định tài chính. Trong phần 8, chúng tôi đặt ra một số câu hỏi thích hợp nhất cần phải được xử lý và có thể là nền tảng cho việc triển khai CBDC hiệu quả.

Bất chấp những biến động như vậy, phân tích của chúng tôi đem lại một kết luận rộng rằng tiền kỹ thuật số dựa trên tài khoản, chịu lãi và cho phép tiếp cận rộng rãi có thể được sử dụng cho các mục đích chính sách tiền tệ theo cách giống hệt như dự trữ NHTW hiện nay. Ngoài ra, thậm chí có lý do để tin rằng cơ chế truyền dẫn tiền tệ sẽ mạnh hơn với một thay đổi nhất định trong công cụ chính sách.

---

<sup>3</sup> Ngân hàng Anh gần đây đã mở rộng việc tiếp cận dự trữ NHTW cho cả các đơn vị cung ứng dịch vụ thanh toán phi ngân hàng và các đơn vị phát hành tiền điện tử (BOE, 2017a).

Phần còn lại của bài viết được kết cấu như sau. Chúng tôi bắt đầu xây dựng định nghĩa chung của mình về CBDC và nhiều đặc điểm con mà nó có thể biểu hiện. Sau đó chúng tôi đưa ra bảng cân đối kế toán của một nền kinh tế với đồng CBDC cho phép tiếp cận rộng rãi. Và sử dụng nó để nghiên cứu một số giao dịch chính liên quan đến CBDC trong nền kinh tế. Trong phần 4 chúng tôi thảo luận tác động có thể có của CBDC lên cơ chế truyền dẫn tiền tệ, hình thành từ việc NHTW kiểm soát lãi suất CBDC, tới các kênh truyền dẫn thông qua đó mà tác động lên nền kinh tế thực. Phần 5 xem xét các biện pháp nới lỏng định lượng với CBDC, trong khi phần 6 và 7 xem xét các thiết kế khác nhau của CBDC, lần lượt với CBDC đơn lẻ trả các mức lãi suất khác nhau tùy thuộc vào loại hình chủ tài khoản và tiền mặt điện tử. Cuối cùng, chúng tôi đặt ra một số câu hỏi nổi bật và các vấn đề quan tâm theo sau nghiên cứu này, trước khi đưa ra một số điểm kết luận.

## 2. Định nghĩa tiền kỹ thuật số NHTW

Thuật ngữ tiền kỹ thuật số ngân hàng trung ương hiện nay đang được sử dụng để đề cập tới một loạt các thiết kế và lựa chọn chính sách tiềm năng, mà không có một định nghĩa đơn nhất được thống nhất chung. Điều này một phần là do khái niệm này nằm ở giữa nhiều lĩnh vực nghiên cứu đa dạng và mang nhiều thành phần phức tạp, bao gồm các chủ đề đa dạng như khoa học máy tính, mã hóa, hệ thống thanh toán, ngân hàng, chính sách tiền tệ và ổn định tài chính. Do vậy, tranh luận xung quanh CBDC có thể xa lạ đối với các nhà kinh tế học còn chưa quen thuộc với tiền mã hóa, chuỗi khối và công nghệ sổ cái phân tán (DLT).

Trước tình hình này, chúng tôi đưa ra một định nghĩa chung vừa biểu hiện chính xác về CBDC vừa được thể hiện bằng các thuật ngữ quen thuộc với bất kỳ nhà kinh tế học nào có hiểu biết cơ bản về quy trình tiền tệ. Chúng tôi hy vọng rằng định nghĩa này sẽ gỡ bỏ những cảm nhận bí ẩn về CBDC và thúc đẩy các thảo luận rộng hơn về CBDC giữa các nhà kinh tế học.

Theo đó, chúng tôi định nghĩa *tiền kỹ thuật số NHTW một cách đơn giản là nghĩa vụ nợ điện tử, định danh của một NHTW có thể được sử dụng để quyết toán các khoản thanh toán hoặc để lưu trữ giá trị*. Nó về thực chất là tiền điện tử ngân hàng trung ương hay tiền hẹp.

Trong phạm vi định nghĩa chung của chúng tôi, tồn tại hàng loạt các đặc điểm con và các thông số có thể được thiết lập hoặc thay đổi và từ đó sẽ giúp định nghĩa chính xác hơn bất kỳ loại CBDC nào.

Một trong những thông số quan trọng liên quan đến việc tiếp cận CBDC. Một CBDC có thể được tiếp cận rộng rãi – nói cách khác là nó có thể được nắm giữ bởi bất kỳ ai cho bất kỳ mục đích gì – hay việc tiếp cận có thể bị giới hạn cho một tập hợp hạn chế các đại lý kinh tế, hoặc cho một số mục đích giới hạn. Điều này có vẻ phản trực giác đối với một số nhà kinh tế học coi tiền tệ là thứ có thể được nắm giữ bởi bất kỳ ai tức là có thể được tiếp cận rộng rãi.<sup>4</sup> Trên thực tế, Fung và Halaburda (2016) và Bjerg (2017) đã coi tiếp cận rộng rãi là một đặc điểm nền tảng của bất kỳ CBDC. Tuy nhiên, việc NHTW chỉ phát hành CBDC cho một tập hợp con của nền kinh tế là có thể, chẳng hạn như “CBDC bán lẻ” dành cho các hộ gia đình và các tổ chức kinh doanh phi tài chính, hay “CBDC bán buôn” được sử dụng như tài sản quyết toán trên các thị trường tài chính bởi các doanh nghiệp hiện tại không tiếp cận với dự trữ ngân hàng trung ương (Bech và Garatt, 2017). Một câu hỏi đặt ra là liệu một CBDC không được tiếp cận rộng rãi có thể vẫn được xem là tiền kỹ thuật số NHTW không. Thực tế, ECB đã lựa chọn sử dụng một thuật ngữ rộng hơn “tiền cơ sở kỹ thuật số” (Mersch, 2017), mà chúng tôi cho rằng chính xác hơn. Để nhất quán chúng tôi sẽ bám chặt vào thuật ngữ được sử dụng rộng rãi hơn “CBDC”, nhưng nhận thức được những nhầm lẫn có thể có.

Một thông số quan trọng thứ hai liên quan đến việc liệu CBDC có chịu lãi suất hay không. CBDC chịu lãi suất có thể trả một mức lãi suất dương, 0, hoặc thậm chí âm trong chu kỳ kinh tế. Như chúng tôi sẽ thảo luận tại phần 2.1, lãi suất này có thể được sử dụng để theo đuổi nhiều mục tiêu, mặc dù không đồng thời. Ví dụ, nó có thể được sử dụng để ổn định lạm phát và sản lượng, như công cụ chính của chính sách tiền tệ, hay có thể được sử dụng để điều chỉnh nhu cầu đối với CBDC. Thay vào đó, một CBDC không chịu lãi suất có thể được xem gần giống với giấy bạc NHTW, và do vậy thường được đề cập đến là “tiền mặt điện tử”.

---

<sup>4</sup> Việc để người không cư trú tiếp cận được CBDC cũng như người cư trú có thể có tác động lên tỷ giá và dòng vốn. Đây là các vấn đề phức hợp mà chúng tôi không giải quyết trong bài viết này, ngoài trừ việc đề cập rất vắn tắt tại Phần 4.

Một câu hỏi quan trọng liên quan đến liệu một CBDC có giao dịch tại mệnh giá với các nghĩa vụ nợ khác của NHTW hay không. Trong hầu hết các khuôn khổ tiền tệ đang tồn tại, các loại hình nghĩa vụ nợ NHTW khác nhau có thể được trao đổi với nhau theo tỷ lệ 1:1, ví dụ như một đơn vị giấy bạc NHTW có thể đổi lấy một đơn vị dự trữ. Tuy nhiên, nhiều tác giả đã đề xuất việc phá vỡ quy ước này, đặc biệt là trong khuôn khổ CBDC. Kimball và Agarwal (2015) đã vạch ra một khuôn khổ ở đó tỷ lệ trao đổi linh hoạt có thể được thực hiện giữa tiền mặt và tiền điện tử NHTW để thực hiện áp dụng lãi suất âm trên tiền mặt và vượt qua giới hạn dưới hiệu quả. Một hệ thống như vậy có nghĩa là một nền kinh tế sẽ vận hành với đồng thời 2 loại tiền tệ định danh, nhưng với tỷ lệ trao đổi được quản lý. Chúng tôi nghi ngờ rằng điều này là khả thi trong thực tế. Ví dụ, nó sẽ đặt ra các vấn đề về việc trong 2 tiền tệ, tiền mặt vật chất và CBDC, cái nào là đơn vị tính toán trong nền kinh tế. Tương tự, liệu cả hai tiền tệ có được sử dụng rộng rãi, giá cả của hàng hóa hay dịch vụ sẽ cần phải được niêm yết bằng cả 2 đơn vị, có thể gia tăng chi phí quản lý đáng kể. Nói chung, chúng tôi tin rằng việc quản lý cả 2 đồng tiền định danh đồng thời sẽ tạo ra rủi ro lớn cho ổn định tiền tệ, do vậy mặc dù thừa nhận khả năng CBDC về lý thuyết có thể không giao dịch ở mệnh giá, nhưng với bài viết này chúng tôi giả định rằng tất cả các hình thức tiền NHTW đều được trao đổi tại mệnh giá.

Một số lựa chọn thiết kế liên quan đến công nghệ được sử dụng để vận hành CBDC. Ví dụ, một CBDC có thể là một tiền tệ dựa trên mã thông báo, chẳng hạn như đề xuất Fedcoin của Koning (2014) hay BitDollar, đề xuất bởi Montamedi (2014). Điều này có nghĩa là một khi được phát hành, các đơn vị CBDC có thể được chuyển giao từ một đại lý này sang một đại lý khác độc lập với NHTW, theo cách tương tự như giấy bạc NHTW hiện nay. Một lựa chọn khác là CBDC dựa trên tài khoản ở đó các đại lý có tài khoản lưu trữ bởi NHTW và các giao dịch được thực hiện thông qua việc NHTW ghi nợ một tài khoản và ghi có tài khoản khác.

Có lẽ đặc điểm gây ra nhiều lẫn lộn nhất là liệu CBDC có phải là tiền mã hóa hay không. Tiền mã hóa, như Bitcoin, Litecoin hay Ether, sử dụng sổ cái phân tán dựa vào các kỹ thuật mã hóa để duy trì tính xác thực. Hầu hết thảo luận về CBDC ám

chỉ, rõ ràng hoặc ẩn ý, rằng nó có thể là là một loại tiền mã hóa, nhưng không nhất thiết xảy ra. CBDC có thể dựa trên một công nghệ lâu đời và trưởng thành hơn, chẳng hạn như công nghệ vận hành hệ thống quyết toán tổng tức thời hiện có của NHTW. Loại hình CBDC này sẽ không phải là tiền mã hóa, nhưng vẫn là tiền kỹ thuật số NHTW.

Thiết lập tối ưu cho mỗi một thông số này sẽ tùy thuộc vào lý do mà loại hình CBDC được giới thiệu; một CBDC được thiết kế để cung cấp dịch vụ thanh toán an toàn có thể khác với một CBDC chủ yếu được sử dụng như một công cụ chính sách tiền tệ. Tuy nhiên, định nghĩa chung của chúng tôi đưa ra một khuôn khổ qua đó bất cứ nghiên cứu tương lai nào cũng có thể xác định các tập hợp con của CBDC mà nó đề cập tới, và đánh giá xem các kết luận có thể thay đổi như thế nào khi các thông số được thiết lập khác đi. Do vậy, chúng tôi coi đây là một đóng góp quan trọng đầu tiên của bài viết. Có một bộ phận tài liệu nghiên cứu nhỏ hiện có tìm cách làm rõ các thuật ngữ xung quanh CBDC. Bjerg (2017) đưa ra một cách thức phân loại là tập con của định nghĩa rộng của chúng tôi, bổ sung thêm yêu cầu về khả năng tiếp cận rộng rãi. Bech và Garratt (2017) đưa ra một cách phân loại nhất quán phần lớn với chúng tôi. Trong sơ đồ phân loại tiền, định nghĩa CBDC của chúng tôi được mô tả bởi bốn nhóm kết hợp cả tiền mã hóa NHTW bán lẻ và bán buôn, tài khoản quyết toán hoặc dự trữ với NHTW, và các tài khoản tiền gửi. Phân tích trong Bech và Garratt (2017) tập trung vào tập con của tiền dựa trên công nghệ mã hóa, do vậy thảo luận về tiền mã hóa ngân hàng trung ương – CBCC thay vì CBDC.

Để đưa ra bối cảnh cho định nghĩa của chúng tôi, Bảng 1 so sánh CBDC với một số tài sản giống tiền phổ biến và chỉ ra các đặc điểm mà chúng có. Như được chỉ ra ở cột thứ nhất, theo định nghĩa chung của chúng tôi, 2 đặc điểm đầu tiên là cần và đủ để một tài sản được xếp loại là CBDC, trong khi các đặc điểm khác có thể có hoặc không. Trước khi bất kỳ loại CBDC thực tế nào có thể được tung ra, cần phải cân nhắc cẩn thận về việc xác lập các thông số này

**Bảng 1. Đặc điểm của CBDC và các tài sản giống tiền khác**

	CBDC	Dự trữ	Giấy bạc NHTW	Tiền gửi	Bitcoin	Ether*
--	------	--------	---------------	----------	---------	--------



Nghĩa vụ nợ của NHTW	✓	✓	✓	x	x	x
Điện tử	✓	✓	x	✓	✓	✓
Truy cập rộng rãi	?	x	✓	✓	✓	✓
Chịu lãi suất	?	?	x	?	x	x
Trao đổi tại mệnh giá**	?	✓	✓	✓	x	x
Tiền mã hóa	?	x	x	x	✓	✓
Mã thông báo hay tài khoản	?	A	T	A	T	A

\* Chúng tôi lấy Bitcoin và Ether là 2 ví dụ nổi tiếng nhất về tiền mã hóa phát hành tư nhân. Các đặc điểm được chỉ ra ở đây cũng chính xác đối với phần lớn tiền mã hóa, mặc dù thiết kế kinh tế và kỹ thuật của các tiền mã hóa khác nhau có thể khác biệt nhiều.

\*\* Trao đổi tại mệnh giá với các nghĩa vụ nợ khác của NHTW

Để đưa ra ví dụ rõ ràng, theo định nghĩa chung của chúng tôi, một hình thức tiền kỹ thuật số NHTW đã tồn tại, và đóng vai trò nền tảng trong việc thực thi chính sách tiền tệ: dự trữ. Dự trữ có đặc điểm là dựa trên tài khoản và ở dạng điện tử. Chúng không phải là tiền mã hóa do chúng không dựa trên sổ cái phân tán hay hệ thống tài khoản mã hóa khác. Trong nhiều trường hợp chúng có tỷ suất lợi nhuận, hoặc là trên tổng số dư hoặc là trên phần số dư vượt mức. Tuy nhiên, chúng chỉ được tiếp cận bởi một số lượng hạn chế các thành viên, chủ yếu là ngân hàng và các tổ chức tài chính tiền tệ chọn lọc khác (MFIs). Mục tiêu chính của chúng là một công cụ chủ động của chính sách tiền tệ, tuy nhiên, đối với một tập con của nền kinh tế mà chúng cung cấp dịch vụ thanh toán an toàn, hiệu quả, và chúng có thể đóng vai trò như công cụ chính sách ổn định tài chính. Cần lưu ý ở đây là theo định nghĩa chặt hơn về CBDC theo đề xuất của Bjerg (2017), dự trữ không được coi là CBDC do chúng không đáp ứng được yêu cầu truy cập rộng rãi. Tuy nhiên, một số nghiên cứu hoặc công khai hoặc ngầm giả định rằng dự trữ cũng nên được coi là CBDC, trong đó có He và cộng sự (2017) của IMF.

## 2.1 Tiền kỹ thuật số trong bài viết

Trong phần lớn bài báo này, chúng tôi sẽ tập trung vào một hình thức CBDC cụ thể. Theo kết luận của Scorer (2017) và Bordo, Levin (2017b), nhóm nghiên cứu tập trung vào một CBDC dựa trên tài khoản, trong đó danh tính của chủ tài khoản CBDC đã được biết (trái với CBDC dựa trên mã thông báo có thể cung cấp các khoản thanh toán ẩn danh). Nhóm nghiên cứu cũng bắt đầu từ giả định về khả năng tiếp cận rộng rãi để mọi người có thể nắm giữ một tài khoản CBDC tại ngân hàng trung ương.

Bên cạnh giả định rằng CBDC là khả thi về mặt công nghệ, chúng tôi loại bỏ các câu hỏi về bản chất chính xác của công nghệ cơ bản, để trống vấn đề liệu các tài khoản này được quản lý bởi một sổ cái phân tán, một dạng RTGS hay một số phương tiện khác<sup>5</sup>. Tuy vậy, chúng tôi cảm nhận phương thức thực thi hợp lý nhất là ngân hàng trung ương sẽ cung cấp nền tảng thanh toán cơ bản cho CBDC, nhưng sẽ không giao dịch trực tiếp với các thành viên của công chúng. Thay vào đó, nó sẽ cho phép các công ty tư nhân, cũng như các công ty công nghệ tài chính, các tổ chức thanh toán hay các ngân hàng xác định khách hàng, đăng ký tài khoản CBDC dưới danh nghĩa của họ và cung cấp giao diện khách hàng và các dịch vụ khách hàng liên quan đến tài khoản CBDC. Các công ty này sẽ chịu trách nhiệm quản lý tài khoản CBDC, nhưng sẽ không quản lý chính CBDC, đảm bảo rằng CBDC vẫn là trách nhiệm pháp lý của ngân hàng trung ương đối với người dùng cuối thay vì đối với một bên trung gian. Chúng tôi giả định rằng các dịch vụ thanh toán có sẵn cho chủ tài khoản CBDC sẽ tương đương với các dịch vụ dành cho chủ sở hữu tiền gửi ngân hàng, đồng thời các hệ thống thanh toán dựa trên tiền gửi và dựa trên CBDC sẽ có thể hoạt động tương thích với nhau (để bất kỳ tài khoản tiền gửi nào cũng có thể thực hiện thanh toán cho bất kỳ tài khoản CBDC nào và ngược lại). Điều này có nghĩa là CBDC sẽ đóng vai trò như một thay thế gần - nhưng không phải thay thế hoàn hảo cho tiền gửi ngân hàng. Điểm này rất quan trọng: như đã thảo luận bởi Broadbent (2016), nếu CBDC chỉ đóng vai trò thay thế cho giấy bạc ngân hàng trung ương, thì các tác động của chính sách tiền tệ là không đáng kể, nhưng một khi CBDC bắt đầu cung cấp dịch vụ thanh toán tương tự tiền gửi ngân hàng, sẽ có tác động lên số lượng và giá cả của các khoản

---

<sup>5</sup> Xem Scorer (2017) về các lợi ích tương đối của DLT hay các phương thức chuyển giao khác

tài trợ của ngân hàng, với những tác động đáng chú ý đến chính sách tiền tệ. Quan trọng là, chúng tôi giả định rằng các tài khoản CBDC sẽ không cung cấp các công cụ tín dụng, chẳng hạn như thấu chi, cho đại đa số người sử dụng.<sup>6</sup>

Cuối cùng, tại phần chính, chúng tôi sẽ nghiên cứu với giả định rằng CBDC trả lãi suất và cụ thể hơn là lãi suất này được sử dụng như một công cụ của chính sách tiền tệ. Các quan điểm ủng hộ việc trả lãi cho các khoản nợ ngắn hạn của ngân hàng trung ương bắt nguồn từ Friedman (1960), người đã lập luận rằng họ nên trả một mức lãi suất tương đương với lãi suất phi rủi ro. Như chúng tôi sẽ mở rộng trong Phần 4, trong khuôn khổ tiêu chuẩn của chúng tôi, tỷ lệ lãi suất trả trên số dư CBDC là công cụ chính của chính sách tiền tệ và sẽ được thiết lập để định hướng kinh tế vĩ mô. Tuy nhiên, một cách tiếp cận khác sẽ là thiết lập lãi suất trả cho CBDC cho một mục tiêu khác, chẳng hạn như định hướng số lượng CBDC để đáp ứng những thay đổi của cầu. Điều này sẽ yêu cầu một công thức CBDC khác với công thức được xem xét trong tiêu chuẩn của chúng tôi. Về cơ bản, nó sẽ yêu cầu sự phân biệt giữa CBDC do ngân hàng nắm giữ và CBDC do các tổ chức phi ngân hàng nắm giữ, bao gồm cả công chúng. Sau đó, lãi suất trả trên CBDC do các tổ chức tài chính tiền tệ (MFIs) nắm giữ có thể được sử dụng để thiết lập lập trường của chính sách tiền tệ (giống như tỷ lệ dự trữ được sử dụng ngày nay), trong khi lãi suất trả cho các CBDC rộng hơn có thể được sử dụng để điều chỉnh cầu đối với CBDC thông qua cơ chế giá cả. Trong Phần 6, chúng tôi sẽ thảo luận về một biến thể khác so với tiêu chuẩn mà chúng tôi đặt ra mà gần giống với biến thể này ở đó ngân hàng trung ương trả các mức lãi suất khác nhau cho các loại chủ tài khoản khác nhau. Barrdear và Kumhof (2016) đã đi xa hơn và phân biệt rõ ràng tiền dự trữ và CBDC với cách hiểu rộng hơn như là các tài sản tách biệt. Tuy vậy như chúng tôi sẽ trình bày, cả hai khuôn khổ này phần lớn tương đương nhau ngoại trừ trong các điều kiện cụ thể.

Thông thường, một cách để suy nghĩ về CBDC được thảo luận trong bài báo này chỉ đơn giản là mở rộng quyền truy cập vào hệ thống tài khoản dự trữ hiện có do các ngân hàng trung tâm cung cấp. Kể từ cuộc khủng hoảng tài chính 2007-2009,

---

<sup>6</sup> Như đã thảo luận trong Phần 4, chúng tôi giả định rằng tín dụng CBDC có thể được cho vay đối với các tổ chức tài chính nhất định theo cơ sở chiết khấu.

Ngân hàng Anh, giống như một số ngân hàng trung ương khác, đã thực hiện các dự án để mở rộng khả năng tiếp cận tiền của ngân hàng trung ương cho các đại lý môi giới và đối tác trung tâm (CCP), mặc dù các doanh nghiệp này vẫn chiếm một phần tương đối nhỏ trong nền kinh tế. CBDC có thể tiếp cận rộng rãi được thảo luận dưới đây tạo quyền truy cập cao nhất - cho tất cả các đại lý trong nền kinh tế.

### 3. Góc nhìn từ bảng cân đối kế toán về CBDC

Là bước đầu tiên trong việc xem xét xem liệu CBDC có thể ảnh hưởng như thế nào đến chính sách tiền tệ, Hình 1 cho thấy một loạt bảng cân đối kế toán “cách điệu” cho ba khu vực chính của nền kinh tế - ngân hàng trung ương, ngân hàng thương mại và khu vực tư nhân phi ngân hàng - trong một thế giới không có CBDC, và thế giới với CBDC thuộc loại được mô tả ở trên.<sup>7</sup> Cột bên trái, biểu thị tình huống không có CBDC, nên quen thuộc với nhiều người. Tiền ngân hàng trung ương tồn tại ở hai dạng: dự trữ điện tử và tiền giấy ngân hàng trung ương vật chất.<sup>8</sup> Tiền giấy ngân hàng trung ương có thể được nắm giữ bởi cả ngân hàng và phi ngân hàng, trong khi dự trữ chỉ có thể do ngân hàng nắm giữ. Hai loại nghĩa vụ nợ này của ngân hàng trung ương được đảm bảo bởi tài sản của ngân hàng trung ương. Theo mô hình đơn giản này, các tài sản này bao gồm toàn bộ là trái phiếu chính phủ, mặc dù trên thực tế, có thể nắm giữ nhiều loại tài sản hơn.

Các ngân hàng cho khu vực tư nhân phi ngân hàng vay, đồng thời phát hành tiền gửi bên phần nghĩa vụ nợ của bảng cân đối kế toán. Các tổ chức phi ngân hàng giữ các khoản tiền gửi này làm tài sản, cùng với chứng khoán của chính phủ, vốn chủ sở hữu trong lĩnh vực ngân hàng và tiền giấy ngân hàng trung ương vật chất. Về phần nghĩa vụ nợ trên bảng cân đối kế toán của họ, các tổ chức phi ngân hàng có các khoản vay nợ các ngân hàng và 'vốn chủ sở hữu phi ngân hàng' dương (vì

---

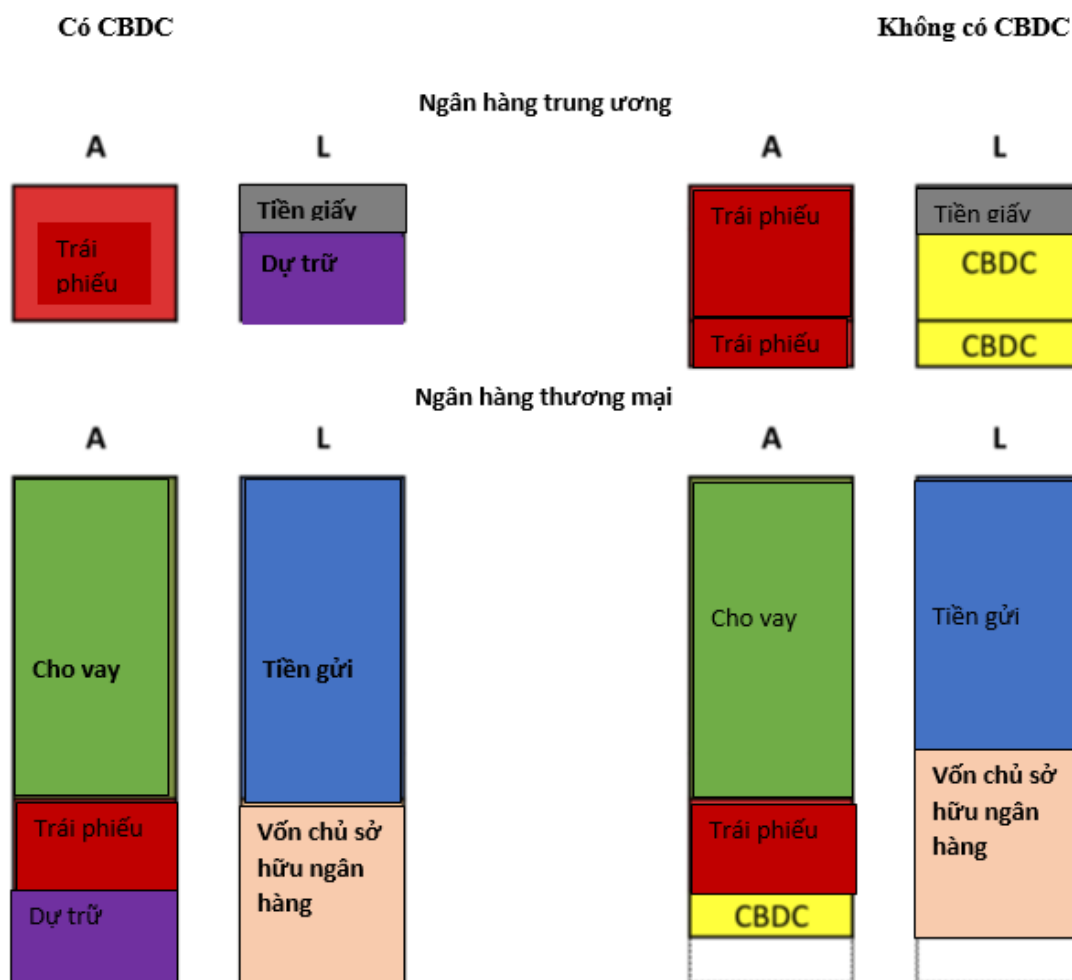
<sup>7</sup> Kumhof và Noone (2018) đưa ra một tìm hiểu toàn diện hơn về các tác động của bảng cân đối kế toán bậc một của việc giới thiệu CBDC theo các kịch bản thiết kế khác nhau

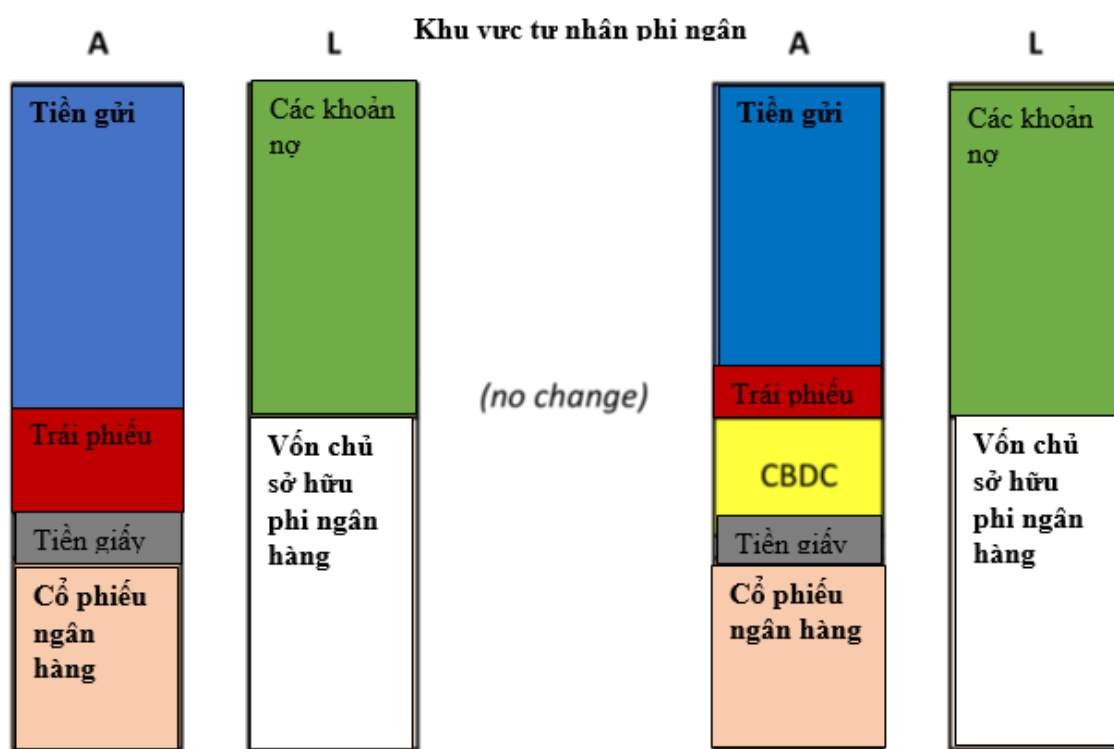
<sup>8</sup> Ở Vương quốc Anh, tiền xu được phát hành bởi Royal Mint và được ghi nhận là nợ của Kho bạc, vì vậy không phải là "tiền ngân hàng trung ương" mặc dù giao dịch ngang bằng với tiền ngân hàng trung ương và được coi là một loại tiền khác "tiền mặt".

tài sản của họ vượt quá nghĩa vụ nợ). Bảng bên phải cho thấy điều này có thể khác nhau như thế nào trong một thế giới với CBDC có thể tiếp cận rộng rãi. Hai hình thức tiền của ngân hàng trung ương vẫn còn duy trì, một dạng điện tử và một dạng vật chất, mặc dù để đơn giản, chúng tôi đã đổi tên tiền điện tử NHTW thành CBDC. Cần nhấn mạnh rằng đây không phải là mô hình trong đó các khoản dự trữ tồn tại tách biệt với CBDC có khả năng tiếp cận rộng rãi, mặc dù kịch bản như vậy được xem xét trong Phần 6 và nghiên cứu đầy đủ hơn bởi Barrdear và Kumhof (2016).

Lưu ý rằng chúng tôi không giả định cũng không ủng hộ việc loại bỏ tiền vật chất ngân hàng trung ương (tức là giấy bạc). Một sự đổi mới như vậy thường là một đặc điểm của các cuộc tranh luận xung quanh tiền tệ kỹ thuật số của ngân hàng trung ương và trong một số trường hợp, thậm chí còn được sử dụng để thúc đẩy sự ra đời của chúng.

**Hình 1. Các bảng cân đối kế toán không có/có CBDC**





Goodfriend (2016), Kimball và Agarwal (2015) và Rogo (2016) đều cho rằng việc thay thế tiền mặt bằng CBDC có thể giúp việc thiết lập lãi suất âm đối với tiền của ngân hàng trung ương dễ dàng hơn và do đó giảm bớt ràng buộc thấp hơn về lãi suất. Tuy nhiên, các tác giả này công nhận, việc loại bỏ tiền mặt không phải là hệ quả cần thiết của CBDC và trong khi một bên có thể có ảnh hưởng đến bên kia, hai chính sách này nên được đánh giá dựa trên đóng góp của bản thân chính sách đó.

Sự khác biệt rõ ràng nhất giữa bảng bên trái và bên phải là các tổ chức phi ngân hàng có thể nắm giữ tiền điện tử của ngân hàng trung ương, dưới dạng CBDC. Ví dụ của chúng tôi giả định rằng các tổ chức phi ngân hàng thay thế một phần trái phiếu, tiền gửi và tiền giấy thành CBDC. Tác động lên quy mô và thành phần của bảng cân đối kế toán của từng khu vực sẽ phụ thuộc vào từng loại thay thế tài sản sang CBDC.

Việc thay thế của các tổ chức phi ngân hàng từ tiền giấy ngân hàng trung ương sang CBDC chỉ đơn giản là thay đổi thành phần nghĩa vụ nợ của ngân hàng trung ương và tài sản của khu vực tư nhân. Điều này đã hạn chế tác động lên việc thay

đổi thu nhập từ phát hành tiền.<sup>9</sup> Tuy nhiên, việc thay thế của các tổ chức phi ngân hàng từ tiền gửi hoặc trái phiếu sang CBDC sẽ có nhiều tác động đáng kể hơn lên bảng cân đối kế toán, thông qua các giao dịch được mô tả dưới đây.

### 3.1. Thay đổi tổng cung của CBDC

Một ngân hàng trung ương có thể tăng tổng cung CBDC trong nền kinh tế bằng cách mua tài sản tài chính từ khu vực tư nhân phi ngân hàng (hay thực tế là từ khu vực ngân hàng), và thanh toán cho những tài sản này bằng CBDC mới được tạo. Điều này được thể hiện trong Hình 2. Các tổ chức phi ngân hàng bán tài sản/trái phiếu cho ngân hàng trung ương, chuyển trái phiếu sang ngân hàng trung ương<sup>10</sup>. Ngân hàng trung ương thanh toán cho tài sản này bằng cách phát hành CBDC, được ghi có vào tài khoản CBDC của tổ chức phi ngân hàng. Kết quả được hiển thị trong cột bên phải của Hình 2: bảng cân đối của ngân hàng trung ương đã mở rộng, vì tài sản mới (trái phiếu) được khớp với một khoản nợ mới (CBDC). Đối với khu vực tư nhân phi ngân hàng, một tài sản (trái phiếu) đã được thay thế bằng một tài sản khác (CBDC), và do đó thành phần tài sản của nó đã thay đổi, không có sự thay đổi trong tổng số tài sản. Giao dịch này rất giống với các điều khoản trong bảng cân đối khi nói lỏng định lượng, và chúng tôi sẽ xem xét các khía cạnh kinh tế của nó trong Phần 5.

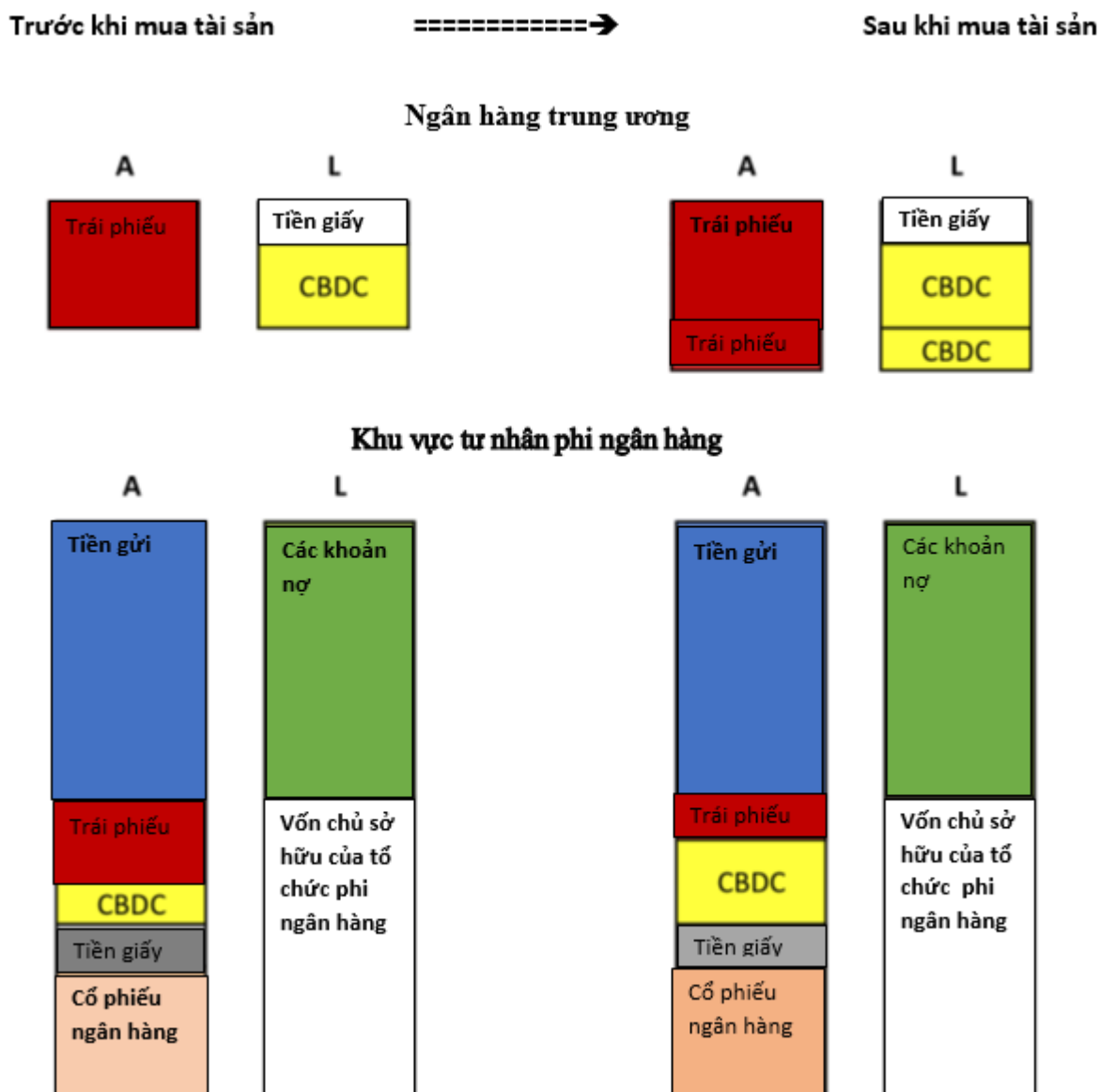
---

<sup>9</sup> Tác động lên thu nhập từ in tiền có thể tích cực hoặc tiêu cực tùy thuộc vào (a) lãi suất trả cho CBDC (nếu có) và (b) chi phí sản xuất CBDC tương đối so với chi phí sản xuất số lượng tương đương tiền mặt (bao gồm chi phí cố định và chi phí cận biên).

<sup>10</sup> Ngân hàng trung ương có thể mua lại trái phiếu hoặc các tài sản đủ điều kiện khác, về cơ bản là tạo ra một khoản vay có đảm bảo của CBDC. Điều này sẽ có những tác động khác nhau đến bảng cân đối kế toán, không được trình bày ở đây.



Hình 2. Thay đổi trong tổng cung CBDC thông qua việc mua bán tài sản



**(Không có sự thay đổi trong bảng cân đối ngân hàng)**

Một câu hỏi quan trọng có liên quan đến các tài sản nên được sử dụng để tài trợ CBDC. Nếu CBDC được bảo trợ độc quyền bởi trái phiếu chính phủ, các tài sản rất an toàn tương tự, hoặc thậm chí các khoản mua lại những tài sản an toàn này, sự phức tạp có thể phát sinh trong thời kỳ hỗn loạn tài chính, hoặc khủng hoảng ngân hàng, khi nhu cầu về CBDC tăng cao có thể trùng hợp với sự gia tăng cầu về các tài sản an toàn này. Để tránh việc thị trường thiếu hụt đáng kể trái phiếu chính phủ trong thời điểm như vậy, ngân hàng trung ương có thể cần phải chấp nhận nhiều loại tài sản đảm bảo cho CBDC - thực sự, nhiều ngân hàng trung ương

đã chấp nhận nhiều loại tài sản hơn. Quyết định về những tài sản cụ thể nào sẽ đủ điều kiện cho việc mua tài sản để kiểm soát nguồn cung của CBDC sẽ phụ thuộc vào một loạt các yếu tố bao gồm khả năng chấp nhận rủi ro và các mục tiêu khác trong bảng cân đối kế toán của ngân hàng trung ương, và các mục tiêu của bản thân việc mở rộng chính sách tiền tệ. Ví dụ, trong một nền kinh tế mà mức nợ chính phủ rất thấp nhưng phần lớn các giao dịch được thực hiện bằng cách sử dụng thanh toán điện tử, có thể cần thiết chấp nhận nhiều loại tài sản thế chấp hơn so với trong một nền kinh tế có thị trường nợ chính phủ lớn và nhu cầu tiềm ẩn về CBDC là rất ít.

### **3.2. Trao đổi CBDC và tiền gửi**

Một trong những vấn đề quan trọng cần xem xét khi phát triển CBDC là cách nó tương tác với hình thức phổ biến nhất của tiền trong hệ thống hiện tại và tiền gửi. Chúng tôi giả định rằng người gửi tiền có thể rút CBDC theo nhu cầu giống như họ có thể làm đối với tiền NHTW phát hành. Quá trình này được thể hiện ở Hình 3. Khi người gửi tiền yêu cầu rút CBDC từ tài khoản tiền gửi của họ, ngân hàng thương mại có thể giảm số dư tài khoản của người gửi tiền và thanh toán CBDC trên bảng cân đối của NHTW vào tài khoản CBDC của người gửi tiền. Kết quả được hiển thị trong hàng thứ hai của bảng cân đối kế toán: bảng cân đối kế toán của khu vực ngân hàng đã bị thu hẹp bởi số tiền rút, trong khi người gửi tiền chỉ cần hoán đổi một tài sản (tiền gửi) cho tài sản khác (CBDC) mà không có sự thay đổi tổng thể về quy mô của bảng cân đối kế toán. Tác động tổng thể trên bảng cân đối của khu vực ngân hàng giống với tác động khi rút tiền mặt.

#### **3.2.1. Rủi ro loại bỏ vai trò trung gian của ngân hàng**

Cho phép người gửi tiền rút CBDC theo nhu cầu tác động đến nguồn vốn và tính thanh khoản của ngân hàng do các ngân hàng sẽ mất tiền gửi và CBDC, chúng sẽ được chuyển sang tài khoản CBDC của các tổ chức phi ngân hàng tại NHTW (Broadbent, 2016). Nếu sự dịch chuyển từ tiền gửi sang CBDC không được bù đắp bởi các đại lý khác bằng cách chuyển từ CBDC sang tiền gửi thì sự suy giảm tổng cầu cho tiền gửi ngân hàng thương mại có tác động thu nhỏ quy mô tổng thể của bảng cân đối kế toán của ngành ngân hàng. Việc thay thế chậm chạp nhưng giá trị lớn từ tiền gửi sang CBDC có thể đặt ra thách thức ngày càng lớn đến tính bền vững của các mô hình kinh doanh ngân hàng hiện tại.

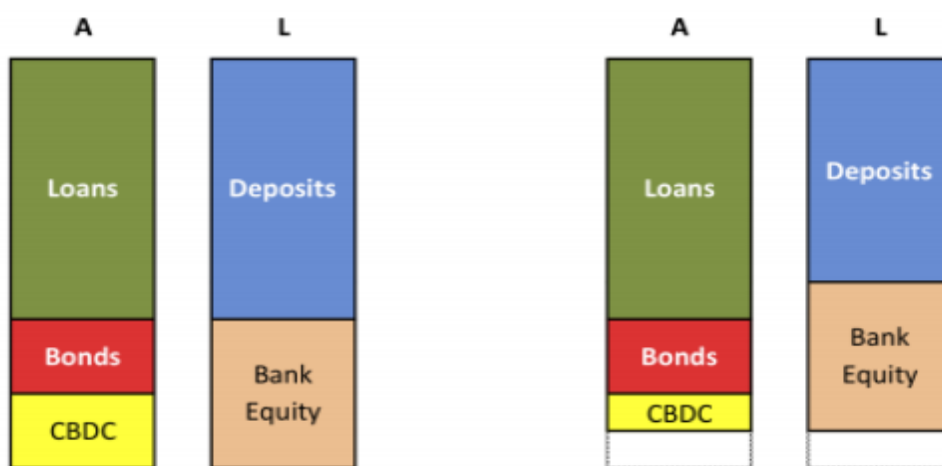
Tuy nhiên, kịch bản xấu như vậy khó có khả năng xảy ra đặc biệt trong ngắn và trung hạn bởi vì NHTW đã kiểm soát đáng kể sự hấp dẫn của CBDC so với tiền gửi thông qua thiết kế của chính CBDC. Ví dụ, như thảo luận trong phần 2.1, CBDC sẽ không phải là sự thay thế hoàn hảo cho tiền gửi ngân hàng và sẽ không cung cấp nhiều dịch vụ mà tài khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại làm chẳng hạn như thấu chi. Lựa chọn để tạo ra các khoản tiền trực tiếp từ CBDC sẽ phụ thuộc vào mức độ mà NHTW sẵn sàng lấn sân vai trò truyền thống của lĩnh vực ngân hàng trong việc cung cấp phương tiện thanh toán điện tử.

Hơn nữa, các ngân hàng không bị động khi đối mặt với sự ra đời của CBDC và có thể phản ứng lại với sự cạnh tranh của CBDC về giá cả, mang lại lợi nhuận cao hơn nhằm duy trì cơ sở tiền gửi của họ, động lực trọng tâm của tác động chính sách tiền tệ được thảo luận trong phần 4. Họ có thể phản hồi bằng cách gia tăng lợi ích cho người gửi tiền, phù hợp với sự phát triển công nghệ trong lĩnh vực thanh toán.

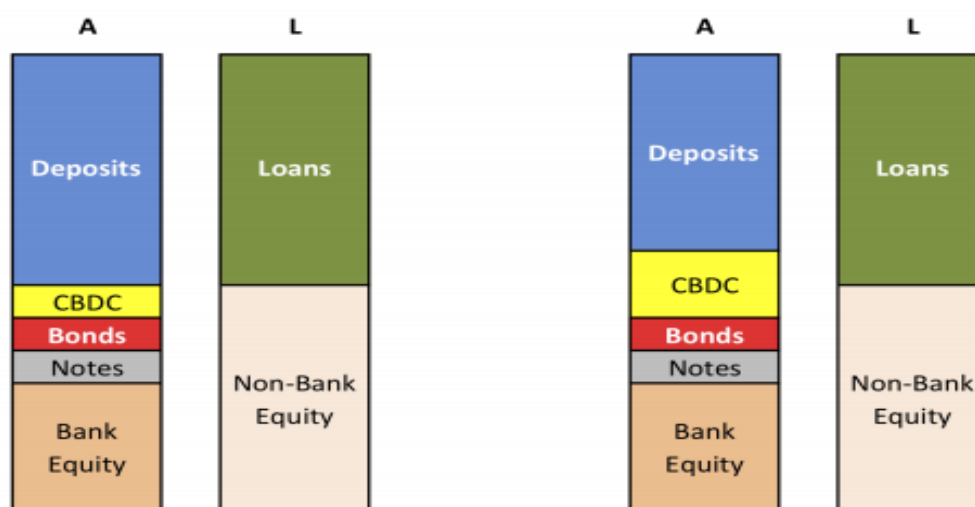
**Hình 3: Bảng cân đối khi có và không có CBDC**

Trước khi rút tiền gửi -----> Sau khi rút tiền gửi

**Ngân hàng**



### Khi vực phi ngân hàng tư nhân



(Bảng cân đối của NHTW không thay đổi)

#### 3.2.2. Rủi ro tháo chạy hàng loạt sang CBDC

Một mối quan ngại khác là khả năng thay thế nhanh chóng từ tiền gửi sang CBDC – nói cách khác, là việc rút tiền hàng loạt (bank run). Trong trường hợp này, nguồn vốn ngân hàng bị thu hẹp và việc rút thanh khoản (dưới hình thức CBDC) có thể đưa NHTW vào vị trí của việc phải thay thế nguồn vốn mà các ngân hàng thương mại đã mất đi.<sup>11</sup>

Những rủi ro này đã được các nhà hoạch định chính sách nhấn mạnh (Broadbent, 2016; Carney, 2018) và đặt ra các thách thức thực sự đối với tính khả thi của CBDC. Tuy nhiên, chúng tôi đề xuất rằng những rủi ro này có thể được quản lý. Một phương pháp là giả định đưa ra một số mâu thuẫn hiện không khuyến khích các hoạt động quy mô lớn chuyển sang tiền mặt, chẳng hạn bằng cách đưa ra thời hạn thông báo cho các khoản rút tiền CBDC lớn, không trả lãi số dư được giữ trên một giới hạn nhất định hoặc áp đặt phí đối với số dư lớn bất thường có thể xấp xỉ chi phí lưu trữ tiền mặt. Ngoài ra, tài khoản CBDC có thể có giới hạn chuyển khoản trong ngày. Các tính năng như vậy nằm trong tầm kiểm soát của NHTW và có thể tác động đến sự hấp dẫn của CBDC, hạn chế mức độ thay thế tiền gửi ngân hàng. Thách thức chính là tìm ra sự cân bằng tối ưu giữa khuyến

<sup>11</sup> Ban đầu, khoản tái cấp vốn này có thể sẽ dựa vào tài sản thế chấp như một phần của hoạt động thanh khoản thông thường, giảm thiểu rủi ro cho NHTW, mặc dù điều này phụ thuộc vào sự sẵn có của tài sản thế chấp đủ điều kiện đối với khu vực ngân hàng và sự sẵn lòng của NHTW trong việc chấp nhận nhiều loại tài sản thế chấp.

khích tiếp nhận CBDC nhằm tác động đến chính sách tiền tệ và hạn chế việc tạo ra các rủi ro ổn định tài chính mới.

Cũng không chắc chắn rằng rủi ro sẽ tăng lên nếu có CBDC. Đúng là chắc chắn rằng tốc độ chuyển đổi có thể nhanh hơn, chi phí và những trở ngại cho việc rút tiền hàng loạt có thể thấp hơn. Tuy nhiên, cũng có thể những người có độ nhạy cao với rủi ro tín dụng (thực tế hoặc cảm giác) của tiền gửi ngân hàng là những người chắc chắn sẽ chuyển từ tiền gửi sang CBDC trong một khoảng thời gian sau khi CBDC được giới thiệu lần đầu. Do đó, tác động cận biên của sự thay đổi trong mức độ cảm nhận rủi ro trong lĩnh vực ngân hàng có thể được coi như là ít hơn vì những người gửi tiền nhạy cảm nhất đã chuyển đổi sang tài sản an toàn khác. Do đó, khả năng xảy ra đột biến rút tiền, đối với một mức rủi ro nhất định, có thể thấp hơn khi một lựa chọn an toàn như CBDC đã được đưa ra.

Về mặt lý thuyết, rủi ro rút tiền hàng loạt cũng có thể được giảm thiểu bởi việc loại bỏ yêu cầu đối với các ngân hàng để chuyển đổi từ tiền gửi sang CBDC<sup>12</sup>. Theo quan điểm của chúng tôi, khả năng người gửi tiền chuyển đổi từ tiền ngân hàng thương mại sang tiền NHTW cơ bản phụ thuộc vào việc duy trì niềm tin vào tiền gửi ngân hàng và nhiều hoạt động của cơ quan quản lý tiền tệ (như là người cho vay cuối cùng, quy định về thanh khoản và bảo hiểm tiền gửi) nhằm đảm bảo niềm tin vào tiền gửi. Thực tế, nhiều người sẽ coi đó là cần thiết để xây dựng một khuôn khổ tiền tệ ổn định mà ở đó CBDC và tiền gửi ngân hàng cùng tồn tại và chuyển đổi ngang giá (1:1). Việc ngăn người gửi tiền rút CBDC như một tính năng thiết kế cơ bản của hệ thống dường như sẽ là một sự thay đổi có khả năng mang lại rủi ro đáng kể so với thông lệ NHTW thông thường.

#### 4. Kênh truyền dẫn tiền tệ

Chúng tôi tiếp tục xem xét cách thức mà việc giới thiệu áp dụng CBDC có thể ảnh hưởng đến việc truyền tải các quyết định chính sách tiền tệ, tức là, cách thức mà sự thay đổi trong công cụ chính sách dẫn đến sự thay đổi trong nền kinh tế thực. Trong phần phân tích sau đây, chúng tôi sẽ thảo luận 3 bước lớn trong cơ chế truyền tải tiền tệ. Đầu tiên là thiết lập công cụ chính sách – lãi suất hoặc khối lượng tiền điện tử NHTW trên thị trường hai. Thứ hai là sự truyền dẫn những thay đổi trong giá và lãi suất của CBDC đến lãi suất và giá của các tài sản trong nền kinh tế. Cuối cùng là sự truyền dẫn từ các diễn biến này của thị trường tài chính đến nền kinh tế thực. Bước cuối cùng này tự nó có thể được chia nhỏ thành

<sup>12</sup> Theo Kumhof và Noone (2018).

một loạt các kênh truyền dẫn bao gồm kênh lãi suất thực, kênh cho vay ngân hàng và kênh kỳ vọng/tín hiệu.

Chúng tôi phần lớn sẽ tập trung vào các tác động cận biên khi thay đổi một công cụ chính sách nhất định. CBDC có thể sẽ dẫn tới một loạt các thay đổi đối với cấu trúc trạng thái ổn định của nền kinh tế, chẳng hạn như thay đổi đối với lãi suất cân bằng hoặc chênh lệch lợi suất tín dụng chính phủ ở trạng thái ổn định. Để có phân tích đầy đủ hơn về các vấn đề như vậy, chúng tôi giới thiệu người đọc đến nghiên cứu của Kumhof (2016) và Bordo và Levin (2017b). Chúng tôi cũng sẽ tập trung vào các công cụ chính sách phổ biến hiện có như (1) lãi suất danh nghĩa ngắn hạn và (2) nới lỏng định lượng. Điều này mang lại một lăng kính rõ hơn để nhìn nhận những thay đổi cận biên mà CBDC tiếp cận rộng rãi gây ra cho cơ chế truyền dẫn chính sách tiền tệ, thay vì là một cuộc thảo luận về các chính sách phi truyền thống thể hiện sự đổi mới cho khuôn khổ tiền tệ.

[Trở lại đầu trang](#)

**HỘI THẢO KHOA HỌC THÁNG 08 - 2020****1. Hội thảo khoa học giới thiệu, kết quả nghiên cứu đề tài “Xây dựng khuôn khổ pháp lý cho việc triển khai chuẩn mực an toàn vốn theo Basel 2 trong hệ thống ngân hàng tại Việt Nam”**

*Thời gian tổ chức: 28/08/2020*

*Đơn vị thực hiện: Ngân hàng Nhà nước*

*Nội dung hội thảo:*

Ngày 28/8/2020, Viện chiến lược Ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) tổ chức Hội thảo Khoa học giới thiệu, trao đổi kết quả nghiên cứu đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ “Xây dựng khuôn khổ pháp lý cho việc triển khai chuẩn mực an toàn vốn theo Basel 2 trong hệ thống ngân hàng tại Việt Nam”. Tham dự Hội thảo có đại diện một số Vụ, Cục NHNN, đại diện một số ngân hàng thương mại, đại diện một số đơn vị nghiên cứu.

Phát biểu khai mạc Hội thảo TS.Nguyễn Thị Hiền, Phó Viện trưởng Viện Chiến lược Ngân hàng (NHNN) cho biết, triển khai chuẩn mực vốn Basel 2 được coi là giải pháp có tính chiến lược, thay đổi về chất, tạo nền tảng giúp cho hệ thống ngân hàng Việt Nam đầy đủ năng lực đáp ứng cho yêu cầu phát triển và hội nhập. Ngay từ những năm 2014 NHNN đã phê duyệt lộ trình triển khai thực hiện Basel. Xác định đây là việc làm then chốt và vô cùng cần thiết NHNN đã tích cực triển khai đồng bộ nhiều giải pháp, đặc biệt chú trọng ưu tiên cho việc xây dựng khuôn khổ pháp lý để làm sao khi thực hiện chuẩn mực an toàn vốn Basel 2 phải đồng thời đảm bảo tuân thủ thông lệ quốc tế nhưng cũng phải phù hợp với đặc điểm Việt Nam, phù hợp với lộ trình để các TCTD triển khai đúng, đúng, thống nhất và giúp cho quá trình giám sát, kiểm tra của NHNN được thuận lợi.

Trình bày các nội dung chính của đề tài nghiên cứu, Ths. Lê Trung Kiên – Phó Cục trưởng Cục giám sát an toàn hệ thống các TCTD, Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng, NHNN cho biết một số nội dung nghiên cứu của Đề tài: Lý luận và kinh nghiệm triển khai áp dụng Chuẩn mực an toàn vốn Basel II; Thực trạng quy định an toàn vốn và triển khai Chuẩn mực an toàn vốn tại Việt Nam; Giải pháp để hoàn thiện hành lang pháp lý về an toàn phù hợp với Chuẩn mực an toàn vốn Basel II.

Về kinh nghiệm triển khai Basel II của một số quốc gia, chủ nhiệm đề tài Ths. Lê Trung Kiên cho biết, có lộ trình triển khai phù hợp với điều kiện cụ thể, mức độ phát triển của từng quốc gia. Các ngân hàng thuộc nhóm đầu thực hiện phương pháp nâng cao, trong khi ngân hàng quy mô nhỏ thực hiện phương pháp đơn giản. Điều chỉnh hướng dẫn của Ủy ban Basel cho phù hợp với điều kiện, mức độ phát triển của từng thị trường. Nâng cao năng lực thanh tra, giám sát của cơ quan quản lý, nhất là khi thực hiện theo phương pháp nâng cao.

Đề cập đến quá trình thực hiện quy định an toàn vốn tại Việt Nam trước khi triển

khai Basel II, Ths. Lê Trung Kiên cho rằng, pháp lệnh ngân hàng (1990): chỉ quy định giới hạn số vốn huy động so với vốn tự có của ngân hàng. Quyết định 107/QĐ-NH5 (1992): ngân hàng phải duy trì thường xuyên tỷ lệ tối thiểu giữa vốn tự có với tổng giá trị tài sản ở mức 5%. Tỷ lệ này mới được quy định một cách đơn giản, yêu cầu TCTD phải duy trì một mức vốn tự có cho các hoạt động có rủi ro. Quyết định 297/1999/QĐ-NHNN5 (1999): Tỷ lệ an toàn vốn của TCTD (không bao gồm CN NHNNg) phải duy trì tối thiểu 8% giữa vốn tự có so với tài sản "Có", kể cả các cam kết ngoại bảng được điều chỉnh theo mức độ rủi ro. Quyết định 297 là lần đầu tiên áp dụng quy định về an toàn vốn theo nguyên tắc dựa trên yếu tố rủi ro. Quyết định 457/2005/QĐ-NHNN (2005): Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu là 8% với phương pháp tính toán tiếp cận theo Basel I đối với TCTD, chi nhánh NHNNg. Thông tư 13/2010/TT-NHNN (2010) và Thông tư 36/2014/TT-NHNN (2014): TCTD, CN NHNNg phải duy trì tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu 9% giữa vốn tự có so với tổng tài sản "Có" rủi ro theo Basel I.

Trao đổi về quá trình triển khai Basel II tại Việt Nam, Chủ nhiệm đề tài cho biết, tại NHNN đã thành lập Ban Chỉ đạo triển khai Basel II trong ngành ngân hàng. Lựa chọn 10 NHTM trong nước thí điểm triển khai Basel II. Xây dựng mẫu biểu và hướng dẫn NHTM phân tích khoảng cách chênh lệch theo 3 trụ cột Basel II, IT và Data so với hướng dẫn Basel II. Xây dựng mẫu biểu và hướng dẫn NHTM thực hiện đánh giá tác động định lượng (QIS). Ban hành khuôn khổ pháp lý để hướng dẫn triển khai 3 trụ cột của Chuẩn mực vốn Basel II theo phương pháp tiêu chuẩn. Xây dựng Công cụ giám sát CMD để giám sát việc NHTM triển khai Basel II, xây dựng phương án tập trung cơ sở dữ liệu rủi ro qua CIC. Phối hợp với các tổ chức quốc tế, đơn vị tài trợ tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu về Basel II.

Còn tại NHTM, thành lập Ban quản lý Dự án triển khai Basel II (PMO) với vai trò đầu mối điều phối việc triển khai Basel II. Phân tích đánh giá chênh lệch thực trạng (về quản trị, dữ liệu, công nghệ thông tin, quy trình quản lý rủi ro,...) so với yêu cầu của Basel II. Thực hiện Đánh giá tác động định lượng QIS (02 lần) tỷ lệ an toàn vốn theo phương pháp tiêu chuẩn của Basel II theo hướng dẫn của NHNN. Triển khai các dự án để thu hẹp khoảng cách và đáp ứng lộ trình triển khai Basel II.

Đề cập đến ứng dụng của Đề tài, Ths. Lê Trung Kiên cho biết, việc triển khai Basel II đòi hỏi kỹ thuật phức tạp, sự đầu tư lớn về tài chính, nguồn nhân lực, hệ thống công nghệ thông tin, năng lực thanh tra. NHNN đã ban hành Thông tư 41/2016/TT-NHNN và Thông tư 13/2018/TT-NHNN để triển khai 3 trụ cột theo phương pháp tiêu chuẩn Basel II. Việc tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho việc triển khai Chuẩn mực an toàn vốn Basel II là một trong những ưu tiên hàng đầu trong thời gian tới trong việc quản lý nhà nước đối với hệ thống ngân hàng Việt Nam.

Phát biểu tại Hội thảo Bà Nguyễn Thị Hiền cho biết thêm, đề tài mang tính ứng dụng thực tiễn rất cao, trực tiếp hỗ trợ cho đơn vị hoạch định chính sách. Đây cũng là minh chứng về vai trò khoa học của công tác nghiên cứu hỗ trợ đắc lực phục vụ cho công tác



chuyên môn, phục vụ cho hoạt động của ngành Ngân hàng.

[Tổng thuật hội thảo](#)

[Trở lại trang đầu](#)

## **2. Tiếp tục kiểm soát lạm phát, ổn định vĩ mô, tạo thêm dư địa cho điều hành chính sách kinh tế**

***Thời gian tổ chức: 03/08/2020***

***Đơn vị thực hiện: Văn phòng Chính phủ***

***Nội dung hội thảo:***

Đó là một trong những thông tin mà Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Người phát ngôn của Chính phủ Mai Tiến Dũng cung cấp cho báo chí chiều ngày 3/8/2020 tại buổi họp báo Chính phủ thường kỳ tháng 7/2020. Cùng dự buổi họp báo có đại diện lãnh đạo nhiều bộ, ngành, đại diện Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) có Phó Thống đốc NHNN Nguyễn Thị Hồng. Buổi họp báo diễn ra ngay sau phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 7/2020 cùng ngày dưới sự chủ trì của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc và trong bối cảnh dịch COVID-19 đã bùng phát trở lại tại Việt Nam khi có thêm nhiều ca bệnh được phát hiện tại một số địa phương, trong đó có Đà Nẵng, Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.

Tiếp tục duy trì được nền tảng kinh tế vĩ mô ổn định

Thông tin về tình hình kinh tế-xã hội tháng 7/2020, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Người phát ngôn Chính phủ Mai Tiến Dũng cho biết, sau 99 ngày không ghi nhận lây nhiễm COVID-19 trong cộng đồng, những ngày qua, chúng ta đã phát hiện các ca nhiễm mới tại nhiều nơi, đặc biệt là tại cụm các bệnh viện ở Đà Nẵng, và một số địa phương.

Ngay sau khi xuất hiện các ca nhiễm mới COVID-19, dưới sự chủ trì của Thủ tướng, Thường trực Chính phủ đã tổ chức 3 cuộc họp. Thủ tướng Chính phủ đã lập tức yêu cầu Thành phố Đà Nẵng và các bộ, cơ quan, địa phương tổ chức triển khai khẩn trương, quyết liệt các biện pháp phòng, chống dịch bệnh một cách bình tĩnh, lạc quan, không để dịch lây lan rộng. Tinh thần là “thần tốc, cương quyết, dồn mọi nguồn lực để xử lý triệt để các ổ dịch”. Mỗi gia đình, thôn, bản, xóm, làng là một pháo đài, mỗi người dân là một chiến sĩ trên mặt trận phòng chống dịch.

Chỉ đạo khoanh vùng dập dịch quyết liệt nhưng không hoảng loạn, chỉ tập trung phong tỏa những nơi có dịch, cách ly nguồn dịch. Những nơi không có lây nhiễm trong cộng đồng mà chỉ có người trở về từ các vùng dịch thì khoanh vùng phạm vi ở mức độ vừa đủ, hạn chế giãn cách một cách tràn lan. Sắp tới, sẽ có chỉ thị mới về các biện pháp phòng chống COVID-19 trong giai đoạn hiện nay. Xử lý nghiêm các vi phạm, nhất là vi phạm Luật Biên giới, nạn đầu cơ, làm hàng giả, kinh doanh trái phép vật tư y tế.

Thời điểm hiện nay, phải thực hiện “mục tiêu kép”. Trong bối cảnh nền kinh tế bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch COVID-19, thời gian qua, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo

tổ chức và chủ trì Hội nghị giao ban trực tuyến đơn đốc triển khai công tác giải ngân đầu tư công, vốn ODA năm 2020, đồng thời làm việc với một số tỉnh, thành phố lớn (như Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Tiền Giang, các tỉnh, thành miền Trung, Tây Nguyên, đồng bằng sông Cửu Long...) nhằm thực hiện hiệu quả công tác giải ngân vốn đầu tư công – khơi thông dòng lực tăng trưởng. Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo thành lập 7 Đoàn công tác do Thủ tướng, các Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư dẫn đầu trực tiếp tới các địa phương, bộ, ngành kiểm tra, đơn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công (kể cả vốn ODA) tại các bộ, cơ quan, địa phương.

Các thành viên Chính phủ đánh giá, với chỉ đạo điều hành chủ động quyết liệt, sáng tạo, linh hoạt, kịp thời của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cùng với sự vào cuộc đồng bộ, tích cực của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và nhất là sự đồng tình, hưởng ứng, ủng hộ mạnh mẽ của Nhân dân cả nước, chúng ta đã tạo nên sức mạnh to lớn và những kết quả quan trọng trong việc thực hiện “mục tiêu kép”.

Trong bối cảnh đại dịch COVID-19 tác động tiêu cực đến mọi mặt đời sống KTXH của đất nước, nhưng nhờ sự nỗ lực vượt bậc, tình hình phát triển KTXH 7 tháng đầu năm 2020 tiếp tục tháng sau khá hơn tháng trước. Chúng ta tiếp tục duy trì được nền tảng kinh tế vĩ mô ổn định; lạm phát được kiểm soát; chỉ số giá tiêu dùng có xu hướng giảm dần (CPI trong tháng 7 tăng 0,4% so với tháng trước, CPI bình quân tính chung 7 tháng tăng 4,07% so với cùng kỳ; lạm phát cơ bản bình quân 7 tháng tăng 2,74% so với cùng kỳ); mặt bằng lãi suất giảm; tỷ giá, thị trường ngoại hối ổn định.

Tính chung 7 tháng, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt gần 145,8 tỷ USD, tăng nhẹ 0,2% so với cùng kỳ, trong đó điểm sáng là khu vực kinh tế trong nước tăng cao 13,5%; nhập khẩu hàng hóa ước đạt 139,3 tỷ USD, giảm 2,9%; xuất siêu 6,5 tỷ USD.

Sản xuất nông nghiệp tuy bị tác động của thiên tai, dịch bệnh nhưng vẫn phát triển ổn định, cơ cấu chuyển dịch tích cực, là bộ đỡ của nền kinh tế, bảo đảm an ninh lương thực. Chúng ta quyết tâm thực hiện mục tiêu xuất khẩu 7 triệu tấn gạo trong năm 2020. Sản xuất công nghiệp tiếp tục phục hồi 3 tháng liên tiếp, nhưng vẫn còn ở mức khiêm tốn 3,6%.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tháng 7 tiếp tục xu hướng tăng mạnh trở lại, tăng 4,3% so với cùng kỳ, nhờ các chính sách kích thích tiêu dùng và du lịch nội địa. Tính chung 7 tháng bằng 99,6% so với cùng kỳ, trong đó doanh thu bán lẻ hàng hóa tăng 3,6%.

Đặc biệt, khối lượng giải ngân vốn đầu tư công tăng kỷ lục trong tháng 7. Giải ngân kế hoạch vốn đầu tư nguồn NSNN 7 tháng đạt gần 194,2 nghìn tỷ đồng, bằng 41,26% kế hoạch giao đầu năm (cùng kỳ đạt 32,27%). Tốc độ giải ngân tháng sau cao hơn tháng trước. Đầu tư FDI và đầu tư tư nhân khá tích cực, trong đó, đăng ký vốn FDI mới 7 tháng tăng 14,4%, giải ngân trên 10,1 tỷ USD.

Công tác an sinh xã hội và chăm sóc sức khỏe nhân dân được chú trọng, đặc biệt là

việc triển khai gói hỗ trợ 62 nghìn tỷ cho người dân và doanh nghiệp gặp khó khăn do dịch...

Không lùi bước trước khó khăn, thách thức

Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Mai Tiến Dũng cho biết, về tình hình, nhiệm vụ, giải pháp thời gian tới, các thành viên Chính phủ nhận định, ở trong nước, do tác động của dịch COVID-19 trở lại từ cuối tháng 7, khó khăn, thách thức trong thời gian tới còn rất lớn, mặc dù kinh tế vĩ mô ổn định nhưng còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, giá dầu thô biến động mạnh, giá thịt lợn còn cao; giải ngân vốn đầu tư công chưa đáp ứng yêu cầu đề ra, nhất là giải ngân vốn ODA rất thấp. Sản xuất kinh doanh nhiều ngành, lĩnh vực rất khó khăn; khu vực dịch vụ chịu tác động rất lớn, nhất là hàng không, du lịch; số doanh nghiệp giải thể, ngừng hoạt động và số lao động mất việc làm tăng...

Trên thế giới, đại dịch COVID-19 vẫn diễn biến khó lường, tiếp tục lây lan với tốc độ cao. Kinh tế và thương mại toàn cầu thời gian tới được dự báo không mấy khả quan, rơi vào suy thoái. Mặc dù vậy, các tổ chức quốc tế, những định chế tài chính lớn đều đánh giá khá lạc quan về Việt Nam. Ngân hàng Thế giới nhận định, kinh tế Việt Nam dù ảnh hưởng nghiêm trọng bởi COVID-19 nhưng vẫn chịu đựng tốt và sẽ là quốc gia có tăng trưởng đứng thứ 5 trên thế giới trong năm 2020 với mức tăng 2,8% và lên 6,8% trong năm 2021. Tạp chí The Economist nhận định Việt Nam là nơi “trú ẩn” ưa thích của nhiều nhà đầu tư thế giới, đang trở thành một mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng công nghệ toàn cầu.

Tình hình trên đòi hỏi chúng ta phải hết sức tỉnh táo; phân tích tình hình để có đối sách phù hợp, kịp thời, hiệu quả, không để bị động bất ngờ. Quan điểm chỉ đạo của Chính phủ là: Không lùi bước trước khó khăn, thách thức; phải biến thách thức thành cơ hội, kiên định với mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra theo Chỉ thị 11 và các Nghị quyết số 01, số 02, số 42 và số 84; phát huy sáng tạo, chung sức, đồng lòng nỗ lực vượt qua khó khăn. Thủ tướng Chính phủ yêu cầu từng thành viên Chính phủ, các bộ ngành, địa phương quán triệt nghiêm túc phương châm “Kỷ cương, liêm chính, hành động, trách nhiệm, sáng tạo, hiệu quả. Từng thành viên Chính phủ, lãnh đạo các địa phương phải nỗ lực, chỉ đạo quyết liệt, cụ thể hơn nữa, thể hiện tinh thần trách nhiệm trước Đảng, Nhà nước và Nhân dân.

Chính phủ xác định đầu tháng 8 là thời gian mang tính quyết định có bùng phát dịch quy mô lớn hay không. Cần dồn mọi nguồn lực xử lý kịp thời các ổ dịch, nhất là ổ dịch ở Đà Nẵng. Kiên định triển khai các nhiệm vụ, giải pháp trong phòng chống dịch và hoàn thành các mục tiêu phát triển KTXH đã đề ra; đồng thời, phải tiếp tục thực hiện tốt an sinh xã hội, môi trường, trật tự an toàn xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

Về một số nhiệm vụ cụ thể, Chính phủ lưu ý. Tập trung triển khai quyết liệt các biện pháp đồng bộ phòng chống dịch, nhưng đồng thời tạo mọi thuận lợi trong lưu thông hàng hóa trong thời gian dịch bệnh COVID-19 bùng phát; không được có bất cứ hạn chế nào; không vì kiềm chế lây lan dịch bệnh mà "ngăn sông, cấm chợ", xử lý nghiêm

khắc hành vi vi phạm. Tiếp tục kiểm soát lạm phát, ổn định vĩ mô, tạo thêm dư địa cho điều hành chính sách kinh tế.

Các Bộ trưởng, Trưởng ngành thực hiện quyết liệt, đồng bộ các giải pháp, tháo gỡ kịp thời các rào cản, khó khăn vướng mắc, khơi thông điểm nghẽn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện giải ngân vốn đầu tư công. Phải nỗ lực phấn đấu thực hiện giải ngân 100% vốn đầu tư công năm 2020 và các năm trước chuyển sang, coi việc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công là nhiệm vụ chính trị trọng tâm năm 2020.

Tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, đẩy nhanh tiến độ, triển khai có kết quả các giải pháp, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất kinh doanh và bảo đảm an sinh xã hội trong bối cảnh dịch COVID-19 đã đề ra tại Chỉ thị số 11, Nghị định số 41, Nghị quyết số 42 và số 84...

Về giáo dục và đào tạo, tập trung chuẩn bị tổ chức tốt kỳ thi tốt nghiệp THPT nghiêm túc, trung thực, an toàn, tiết kiệm, tuyệt đối không để xảy ra sai phạm, đặc biệt là phải có phương án cụ thể cho các địa phương đang có dịch COVID-19, tuyệt đối không để xảy ra tình trạng lây nhiễm trong nhà trường, giữa học sinh, sinh viên.

Còn về thông tin và truyền thông, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, thông tin tuyên truyền về phòng chống dịch bệnh và các biện pháp ứng phó của cơ quan chức năng, nhất là đối với những diễn biến mới của dịch, củng cố tinh thần đoàn kết, nâng cao cảnh giác nhưng cũng không được gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong cộng đồng. Bên cạnh đó, cần tiếp tục đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền cổ vũ việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội...

[Tổng thuật hồi thảo](#)

[Trở lại trang đầu](#)

**ẤN PHẨM KHOA HỌC THÁNG 08-2020****1. Biến Động - Các Quốc Gia Ứng Phó Với Khủng Hoảng Và Thay Đổi Như Thế Nào**

*Nguồn: NXB Dân Trí*

*Tác giả: Jared Diamond*

*Dịch giả: Nguyễn Thanh Xuân*

*Giới thiệu ấn phẩm:*

“BIẾN ĐỘNG – các quốc gia ứng phó với khủng hoảng và thay đổi như thế nào” (tên tiếng anh: “Upheaval: Turning Points for Nations in Crisis”) là tác phẩm mới nhất của tác giả nổi tiếng Jared Diamond, vừa được phát hành trên thế giới năm 2019.

Trong tác phẩm mới nhất vừa ra mắt – BIẾN ĐỘNG, Jared Diamond kể cho chúng ta câu chuyện các quốc gia đã đối mặt với những biến cố lớn trong quá khứ và vượt qua để hồi phục thành công như thế nào. Cuốn sách này là một nghiên cứu so sánh, trần thuật, khảo sát những biến cố và thay đổi có chọn lọc vận hành trên nhiều thập niên ở bảy quốc gia tiên tiến mà ông từng lui tới nhiều lần cũng như sống ở sáu nước trong nhiều thời kỳ dài, từ cách đây 70 năm. Những quốc gia này là Phần Lan, Nhật Bản, Chile, Indonesia, Đức, Úc và Mỹ.

Trước tiên, chương đầu (chương 1) ông xem xét về những yếu tố xử lý thành công từ biến cố cá nhân. Sau đó tìm tòi những nhân tố tương đương tác động đến các hệ quả của biến cố quốc gia.

Sau đó là ba cặp chương (chương 2 đến chương 7), mỗi cặp chương nói về một loại biến cố quốc gia khác nhau. Cặp đầu tiên đề cập các biến cố ở hai quốc gia (Phần Lan và Nhật Bản) bùng phát thành một biến động bất ngờ, từ cú sốc do các quốc gia khác gây ra. Cặp thứ hai cũng đề cập các biến cố bùng phát bất ngờ, nhưng do những bùng nổ nội tại (ở Chile và Indonesia). Cặp cuối mô tả những biến cố không bùng phát đột ngột, thay vào đó chúng dần lộ diện (ở Đức và Úc), đặc biệt do những áp lực gây ra từ Thế chiến II.

Bốn chương cuối mô tả những biến cố trong hiện tại và tương lai mà những kết quả vẫn còn là một ẩn số. Bắt đầu phần này với nước Nhật (chương 8), tiếp sau đó liên quan đến Mỹ (chương 9 và chương 10), và cuối cùng là phạm vi toàn thế giới (chương 11).

Cuốn sách kết lại với phần lời bạt sau khi xem xét những nghiên cứu về bảy quốc gia và cả thế giới dưới 12 yếu tố mà ông đưa ra. Và đặt câu hỏi xem liệu những quốc gia có cần đến biến cố để tái sinh đất nước thông qua những cơ hội lớn lao? Liệu các nhà lãnh đạo có những quyết định làm thay đổi lịch sử hay không?

Ông cũng đề xuất phương hướng cho những nghiên cứu trong tương lai, và đưa ra các kiểu bài học mang tính thực tiễn từ việc khảo sát lịch sử, với quan niệm rằng: “Nếu người dân, hoặc ngay cả những nhà lãnh đạo của họ, chọn hồi nhớ về các biến cố trong quá khứ, họ sẽ hiểu được quá khứ có thể giúp chúng ta xử lý các biến cố ở hiện tại cũng

như trong tương lai.”

Kết hợp những kiến thức tuyệt vời về lịch sử, địa lý, kinh tế, nhân chủng học và cả tâm lý, **BIẾN ĐỘNG** của Jared Diamond là một cuốn sách mang tính sử thi, cấp tiến và đột phá. Dù ở cấp độ cá nhân hay quốc gia, thậm chí toàn cầu, chúng ta đều có thể học được cơ chế ứng phó phổ biến và hiệu quả nhất với các biến cố từ những nghiên cứu trong cuốn sách này.

Viện Chiến lược Ngân hàng giới thiệu đến bạn đọc cuốn sách này!

[Giới thiệu sách](#)

[Trở lại trang đầu](#)

## 2. Big Data - Công Nghệ Cốt Lõi Trong Kỷ Nguyên Số

*Nguồn: Nxb Công Thương*

*Tác giả: Thomas Davenport*

*Dịch giả: Trần Văn Anh*

*Giới thiệu ấn phẩm:*

Khi thuật ngữ “dữ liệu lớn” lần đầu xuất hiện, tác giả các cuốn sách bán chạy nhất Thomas Davenport (*Competing on Analytics, Analytics at Work*) nghĩ rằng nó chỉ là một con cuồng công nghệ nữa. Nhưng những nghiên cứu ông thực hiện những năm sau đó đã khiến ông thay đổi quan điểm.

Với cách hành văn rõ ràng, dễ hiểu, Davenport giải thích về dữ liệu lớn – và lý do mọi người ở các ngành kinh doanh đều cần biết về nó. “BIG DATA: Công nghệ cốt lõi trong kỷ nguyên số” giải thích những điều cơ bản: ý nghĩa của dữ liệu lớn từ góc nhìn kỹ thuật, khách hàng và quản trị; những cơ hội và chi phí của nó; những mảng nó có thể tạo ra sự khác biệt; và những khía cạnh nào của dữ liệu lớn đã bị thổi phồng.

Nếu bạn tin dữ liệu lớn quan trọng với bạn và tổ chức của mình, bạn sẽ phải bắt tay vào việc. Bạn sẽ phải quyết định xem có thể áp dụng khía cạnh nào của dữ liệu lớn vào doanh nghiệp của mình và phải tìm cách cải thiện những khía cạnh đó. Bạn phải thuê, mướn, hoặc bắt đầu phát triển những con người có khả năng khai thác sức mạnh của dữ liệu lớn. Đồng thời, bạn cũng cần thay đổi kiến trúc công nghệ của mình. Mục đích của cuốn sách này không phải để quảng bá dữ liệu lớn với bạn mà để giúp bạn đưa ra những quyết định về nó thật hiệu quả. Nếu bạn quyết định tiến về phía trước cùng với dữ liệu lớn, “BIG DATA: Công nghệ cốt lõi trong kỷ nguyên số” sẽ tiết lộ cho bạn những cách hợp lý và kinh tế nhất để thực hiện điều này.

Sau khi đọc tất cả các chương trong cuốn sách này, bạn sẽ gạt hái được những hiểu biết toàn diện về cách ứng dụng dữ liệu lớn vào công việc của bạn và tổ chức của mình.

Cuối mỗi chương, tác giả đều liệt kê một số câu hỏi có định hướng hành động, bạn và cả đội ngũ quản lý của mình nên tự hỏi và trả lời để khai thác nguồn tài nguyên mạnh mẽ này. Xuyên suốt cuốn sách, sẽ không có nhiều những câu nói bày tỏ sự ngạc nhiên về sự tuyệt vời của dữ liệu lớn – sẽ chỉ có quan điểm về cách đưa dữ liệu lớn vào sử

dụng. Bạn phải nhớ rằng, điều quan trọng không phải việc bạn có bao nhiêu dữ liệu, mà là những gì bạn làm với nó.

Với rất nhiều ví dụ về các công ty, bao gồm UPS, GE, Amazon, United Healthcare, Citigroup..., cuốn sách này sẽ giúp bạn nắm lấy mọi cơ hội – từ việc cải thiện các quyết định, sản phẩm và dịch vụ cho tới việc củng cố các mối quan hệ với khách hàng. Bạn sẽ học được cách đưa dữ liệu lớn vào công việc hàng ngày để tận dụng sức mạnh của nguồn tài nguyên dường như vô tận này.

Viện Chiến lược Ngân hàng giới thiệu đến bạn đọc cuốn sách này!

[Giới thiệu sách](#)

[Trở lại trang đầu](#)